

TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP HỒ CHÍ MINH
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



LY TU TRONG
COLLEGE

TÀI LIỆU HỌC TẬP
Học Phần GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ
(HỆ CAO ĐẲNG)

HỌ VÀ TÊN SV :

MÃ SỐ SV.....

LỚP :

LƯU HÀNH NỘI BỘ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 2019

MỤC LỤC

STT	Tên bài	Tổng số tiết của bài	TRANG
1	Bài mở đầu	2	3
2	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin	13	5
3	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	13	21
4	Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng	5	41
5	Bài 4: Đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	5	50
6	Bài 5: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam	10	56
7	Bài 6: Tăng cường quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay	6	69
8	Bài 7: Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	7	74
9	Bài 8: Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc	6	83
10	Bài 9: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	3	89

BÀI MỞ ĐẦU

1. Vị trí, tính chất môn học

Môn Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc các môn học chung trong chương trình giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng.

Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam; góp phần đào tạo người lao động phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Mục tiêu của môn học: Sau khi học xong, người học đạt được:

Trình bày được một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và những nhiệm vụ chính trị của đất nước hiện nay; nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào giải quyết các vấn đề của cá nhân, xã hội và các vấn đề khác trong quá trình học tập, lao động, hoạt động hàng ngày và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Nội dung chính

Nội dung môn học Giáo dục chính trị là nghiên cứu sự hình thành và những nội dung chủ yếu của chủ nghĩa Mác – Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt nam; con đường và phương pháp để thực hiện các nội dung đó vào thực tiễn cách mạng Việt Nam; những kiến thức cơ bản để giáo dục sinh viên trở thành người công dân tốt, người lao động tốt cho xã hội.

Giáo dục chính trị là môn học bao gồm nội dung cơ bản nhất của: Triết học Mác – Lênin; Kinh tế - chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

4. Phương pháp dạy học và đánh giá môn học

Phương pháp chủ yếu để giảng dạy và học tập môn học giáo dục chính trị là: phương pháp duy vật biện chứng, phương pháp logic - lịch sử, phân tích và tổng hợp, trừu tượng hóa, khái quát hóa, thuyết trình, phỏng vấn, hỏi đáp, nêu ý kiến....

Thực hiện đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy tính chủ động, tính tích cực của người học. Tăng cường hoạt động sáng tạo của người học, khả năng liên hệ thực tiễn,

phân tích thực tiễn, thảo luận và trao đổi với nhau các tri thức cần thiết qua quá trình học tập; việc học tập cần liên hệ với định hướng nghề nghiệp tương lai và thực tiễn cuộc sống của người học.

Kết hợp giảng dạy học môn giáo dục chính trị với học tập Nghị quyết của Đảng, phổ biến pháp luật của Nhà nước, thực hiện các phong trào thi đua của Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, của địa phương và các hoạt động của ngành chủ quản, gắn lý luận với thực tiễn để định hướng nhận thức và rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống cho người học nghề.

Trong quá trình học tập môn giáo dục chính trị, có thể tổ chức cho học sinh, sinh viên thảo luận, xem băng hình, phim tư liệu lịch sử, chuyên đề thời sự hoặc tổ chức đi tham quan bảo tàng, nghiên cứu các điển hình sản xuất công nghiệp, các di tích lịch sử, văn hóa ở địa phương.

Môn học góp phần hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học cho người học. Cụ thể, góp phần mài sắc tư duy, cung cấp tri thức khoa học, kinh nghiệm cuộc sống... để hình thành thế giới quan khoa học. Điều chỉnh hành vi của người học đối với môi trường xung quanh, định hướng cho nhận thức đúng đắn... nhằm mục đích xây dựng xã hội tiến bộ, văn minh. Muốn hình thành nhận thức thế giới khoa học, người học cần có phương pháp luận đúng đắn, khách quan. Phải xem xét các sự vật trong mối liên hệ ràng buộc lẫn nhau, trong trạng thái vận động biến đổi không ngừng với tư duy linh hoạt và đó chính là phương pháp luận biện chứng.

Bài 1

KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN

1. Chủ nghĩa Mác – Lênin và ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác- Lênin

1.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác- Lênin

Chủ nghĩa Mác - Lênin là hệ thống quan điểm lý luận và học thuyết do C.Mác, Ph. Ăngghen sáng lập từ giữa thế kỷ XIX và được V.I.Lênin bổ sung và phát triển hoàn thiện trong điều kiện mới của lịch sử thế giới đầu thế kỷ XX.

Chủ nghĩa Mác- Lênin là hệ thống lý luận thống nhất được cấu thành từ ba bộ phận lý luận cơ bản là triết học Mác – Lênin, kinh tế chính trị học Mác – Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học; là hệ thống lý luận khoa học thống nhất về mục tiêu, con đường, biện pháp, lực lượng thực hiện sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động nhằm giải phóng con người, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

1.2. Ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin

Triết học Mác – Lênin: Là khoa học về những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy. Triết học Mác - Lênin đem lại cho con người thế giới quan khoa học và phương pháp luận đúng đắn để nhận thức và cải tạo thế giới.

Kinh tế chính trị Mác – Lênin: Là khoa học nghiên cứu phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, chỉ rõ bản chất bóc lột của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa; những quy luật kinh tế chủ yếu hình thành, phát triển và đưa chủ nghĩa tư bản tới chỗ diệt vong; những quy luật phát triển của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Chủ nghĩa xã hội khoa học: Nghiên cứu những quy luật chuyển biến từ xã hội tư bản chủ nghĩa lên xã hội xã hội chủ nghĩa và phương hướng xây dựng xã hội mới.

1.3. Bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác- Lênin

- Chủ nghĩa Mác - Lênin là một hệ thống lý luận khoa học, thể hiện trong toàn bộ các nguyên lý cấu thành học thuyết, trước hết là các nguyên lý cơ bản.

- Sự thống nhất hữu cơ giữa thế giới quan khoa học và phương pháp luận mác-xít trong chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Là học thuyết duy nhất nêu lên mục tiêu giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người với con đường, lực lượng, phương thức đạt mục tiêu đó.

- Chủ nghĩa Mác - Lênin là một học thuyết mở, không ngừng tự đổi mới, tự phát triển trong hệ thống tri thức của nhân loại.

2. Một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

2.1. Triết học Mác – Lênin

2.1.1. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

2.1.1.1. Phạm trù vật chất

Chủ nghĩa duy vật biện chứng quan niệm mọi sự vật, hiện tượng trong thế giới biểu hiện rất đa dạng, phong phú nhưng đều có chung bản chất là vật chất.

V.I.Lênin định nghĩa:

*"Vật chất là một phạm trù triết học, dùng để chỉ thực tại khách quan, được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại phản ánh và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác"*¹.

Định nghĩa này có thể hiểu theo nghĩa cơ bản sau:

Thứ nhất, cần phân biệt vật chất với tư cách là phạm trù triết học với những khái niệm vật chất được sử dụng trong các khoa học chuyên ngành.

Hai là, thuộc tính cơ bản nhất, chung nhất của các dạng vật chất là tồn tại khách quan, không phụ thuộc vào cảm giác, ý thức của con người. Có thể hiểu mọi thứ tồn tại khách quan đều là vật chất.

Ba là, vật chất tồn tại khách quan thông qua các sự vật cụ thể. Khi vật chất tác động vào giác quan, gây nên cảm giác, được cảm giác của chúng ta ghi lại. Vì vậy con người có khả năng nhận thức được thế giới. Với ý nghĩa đó, vật chất phải là cái có trước; còn cảm giác, ý thức của con người là cái có sau, là cái phụ thuộc vào vật chất, chỉ là sự phản ánh đối với vật chất, có nguồn gốc từ vật chất.

Định nghĩa vật chất của Lênin đã giải quyết được vấn đề cơ bản của triết học theo lập trường duy vật biện chứng, mở đường cho các ngành khoa học cụ thể đi sâu nghiên cứu thế giới, tìm thêm những dạng mới của vật chất, đem lại niềm tin cho con người trong việc nhận thức thế giới và cải tạo thế giới.

Phương thức và hình thức tồn tại của vật chất

+ Vận động của vật chất

Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng, vận động là một phương thức tồn tại của vật chất, bao gồm tất cả mọi sự thay đổi và mọi quá trình diễn ra trong vũ trụ kể từ sự thay đổi vị trí đơn giản cho đến tư duy.

Ph. Ăngghen đã chia vận động thành 5 hình thức cơ bản là vận động cơ học, lý học, hoá học, sinh học và vận động xã hội.

Vận động là tuyệt đối, đứng im là tương đối.

¹ V.I. Lênin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ. M. 1980. T 18. tr . 151

+ *Không gian và thời gian*

Không gian và thời gian là hình thức tồn tại của vật chất trong đó:

Khái niệm không gian dùng để chỉ vị trí tồn tại của sự vật, hiện tượng và kết cấu hình dạng của chúng; còn khái niệm thời gian dùng để chỉ quá trình vận động, biến đổi của các sự vật, hiện tượng.

Tính thống nhất của thế giới

Tính thống nhất của thế giới là ở tính vật chất của nó. Tính chất ấy tồn tại khách quan, độc lập với ý thức. Thế giới vật chất là vô tận, vận động, chuyển hoá lẫn nhau. Tất cả đều là nguyên nhân, đều là kết quả của nhau, đều là vật chất. Mỗi lĩnh vực của giới tự nhiên hay xã hội dù hình thức biểu hiện ở những dạng cụ thể khác nhau nhưng chúng đều là vật chất, có nguồn gốc, liên hệ và đều chịu chi phối bởi những quy luật chung, khách quan của thế giới vật chất.

2.1.1.2. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về ý thức

+ *Nguồn gốc và bản chất của ý thức*

Nguồn gốc của ý thức:

Nguồn gốc tự nhiên của ý thức

Nguồn gốc tự nhiên của ý thức: đó là bộ óc con người và thế giới khách quan, trong đó thế giới khách quan tác động đến bộ óc con người tạo nên quá trình phản ánh năng động, sáng tạo của ý thức.

Nguồn gốc xã hội của ý thức

Có nhiều yếu tố cấu thành nguồn gốc xã hội của ý thức; nhưng trong đó nguồn gốc cơ bản, trực tiếp và quan trọng nhất quyết định sự ra đời và phát triển của ý thức là lao động. Sau lao động và đồng thời với lao động là ngôn ngữ. Đó là yếu tố quyết định trực tiếp việc biến óc vượn thành óc người và tâm lý động vật thành ý thức con người.

Bản chất của ý thức:

Bản chất của ý thức là sự phản ánh thế giới khách quan vào óc người một cách năng động, sáng tạo; là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan.

+ *Quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức:*

Vật chất quyết định ý thức: Vật chất là tiền đề, là cơ sở và nguồn gốc cho sự ra đời, tồn tại và phát triển của ý thức. Điều kiện vật chất thế nào thì ý thức như thế đó. Khi cơ sở, điều kiện vật chất thay đổi thì ý thức cũng thay đổi theo. Vật chất quyết định ý thức là quyết định cả nội dung, bản chất và khuynh hướng vận động, phát triển của ý thức.

Ý thức tác động trở lại vật chất: Ý thức do vật chất sinh ra và quyết định nhưng ý thức có tác động to lớn đối với vật chất. Ý thức giúp con người hiểu được bản chất, quy luật vận

động phát triển của sự vật, hiện tượng để hình thành phương hướng, mục tiêu và những phương pháp, cách thức thực hiện phương hướng, mục tiêu đó. Nhờ có ý thức, con người biết lựa chọn những khả năng phù hợp thúc đẩy sự vật phát triển. Vai trò của ý thức đối với vật chất, thực chất là vai trò hoạt động thực tiễn của con người.

Ý nghĩa của vấn đề: Để đảm bảo sự thành công của hoạt động nhận thức hay thực tiễn, con người phải luôn xuất phát từ thực tiễn, tôn trọng quy luật khách quan. Không nên lấy ý kiến chủ quan của mình làm căn cứ cho lý luận, hành động, dễ dẫn đến sai lầm và thất bại. Mặt khác, cần phải phát huy tính năng động chủ quan, tính sáng tạo của con người, phát huy tác động tích cực của ý thức, không trông chờ, ỷ lại vào hoàn cảnh bên ngoài.

2.1.1.3. Phép biện chứng duy vật

Phép biện chứng duy vật là lý luận khoa học về các mối liên hệ phổ biến về sự vận động, phát triển của mọi sự vật, hiện tượng, là những quy luật chung nhất, phổ biến nhất của mọi quá trình vận động, phát triển trong tự nhiên, xã hội và tư duy. Phép biện chứng duy vật bao gồm hai nguyên lý; ba quy luật cơ bản và sáu cặp phạm trù.

- Hai nguyên lý cơ bản:

+ Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến

Mối liên hệ là phạm trù triết học dùng để chỉ sự quy định, sự tác động qua lại, sự chuyển hóa lẫn nhau giữa các sự vật, hiện tượng hay giữa các mặt của một sự vật, của một hiện tượng trong thế giới

Thế giới có vô vàn các sự vật, hiện tượng nhưng chúng luôn tồn tại trong mối liên hệ.

Quan điểm duy vật biện chứng khẳng định tính thống nhất vật chất của thế giới là cơ sở của mối liên hệ giữa các sự vật hiện tượng.

Mối liên hệ có ba tính chất cơ bản: Tính khách quan, tính phổ biến và tính đa dạng, phong phú.

Ý nghĩa của vấn đề: Trong nhận thức và hoạt động thực tiễn mỗi người phải có quan điểm toàn diện và quan điểm lịch sử - cụ thể, xem xét kỹ các mối liên hệ bản chất, bên trong sự vật, hiện tượng; cần tránh cách nhìn phiến diện, một chiều, chung chung trong việc nhận thức, giải quyết mọi vấn đề trong thực tiễn cuộc sống và công việc.

+ Nguyên lý về sự phát triển

Phát triển là khuynh hướng vận động từ thấp lên cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện theo chiều hướng đi lên của sự vật, hiện tượng; là quá trình hoàn thiện về chất và nâng cao trình độ của chúng.

Phát triển là khuynh hướng chung của thế giới và nó có tính phổ biến, được thể hiện trên mọi lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy.

Phát triển có tính chất cơ bản: tính khách quan, tính phổ biến và tính đa dạng, phong phú.

Ý nghĩa của vấn đề: Nguyên lý về sự phát triển giúp chúng ta nhận thức sự vật, hiện tượng theo hướng vận động phát triển, tránh được cách nhìn phiến diện với tư tưởng định kiến, bảo thủ. Mỗi thành công hay thất bại được xem xét khách quan, toàn diện để có tư tưởng lạc quan, tin tưởng tìm hướng giải quyết theo hướng tốt lên.

- Những quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật

+ Về nhận thức quy luật

Quy luật là những mối liên hệ bản chất, tất nhiên, bên trong, có tính phổ biến và được lặp đi lặp lại giữa các mặt, các yếu tố trong cùng một sự vật, hiện tượng, hay giữa các sự vật hiện tượng.

Trong thế giới khách quan có nhiều quy luật khác nhau.

Các quy luật đều có tính khách quan.

+ Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập (Quy luật mâu thuẫn)

Đây là một trong ba quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật, quy luật này vạch ra nguồn gốc động lực của sự vận động, phát triển của sự vật hiện tượng và là hạt nhân của phép biện chứng duy vật.

Mặt đối lập là những mặt có tính chất trái ngược nhau nhưng chúng tồn tại trong sự quy định lẫn nhau.

Sự vật, hiện tượng nào cũng là thể thống nhất của các mặt đối lập. Từ mặt đối lập mà hình thành mâu thuẫn biện chứng – là mâu thuẫn bao hàm sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập. Các mặt đối lập liên hệ với nhau, thâm nhập vào nhau, tác động qua lại lẫn nhau, làm tiền đề tồn tại cho nhau nhưng lại bài trừ, phủ định lẫn nhau.

Các mặt đối lập trong mỗi sự vật vừa thống nhất lại vừa đấu tranh tác động, bài trừ phủ định nhau. Sự đấu tranh đó đưa đến sự chuyển hoá làm thay đổi các mặt đối lập, mặt đối lập cũ mất đi, hình thành mặt đối lập mới. Do đó, có thể nói: sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập là nguồn gốc và động lực cơ bản của mọi sự vận động và phát triển.

Sự thống nhất các mặt đối lập là tương đối. Bất cứ sự thống nhất nào cũng là sự thống nhất có điều kiện, tạm thời, thoáng qua, gắn với đứng im tương đối của sự vật.

Đấu tranh là tuyệt đối vì nó diễn ra liên tục không bao giờ ngừng, trong suốt quá trình tồn tại các mặt đối lập, từ đầu đến cuối.

Ý nghĩa của quy luật: Muốn nhận thức được nguồn gốc và bản chất của mọi sự vận động, phát triển thì cần phải nghiên cứu, phát hiện và sử dụng được sự thống nhất và đấu tranh của chúng. Trong nhận thức và thực tiễn phải phát hiện được những mâu thuẫn của sự

vật hiện tượng, biết phân loại mâu thuẫn, có các biện pháp để giải quyết mâu thuẫn thích hợp. Phải có quan điểm lịch sử - cụ thể khi giải quyết mâu thuẫn.

+ *Quy luật chuyển hoá từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại (quy luật lượng chất)*

Quy luật này vạch ra cách thức của sự vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng

Quy luật này chỉ ra rằng mỗi sự vật, hiện tượng đều gồm hai mặt đối lập chất và lượng. *Chất* là phạm trù triết học dùng để chỉ tính quy định khách quan vốn có của sự vật, hiện tượng, đó là sự thống nhất hữu cơ của những thuộc tính, những yếu tố cấu thành sự vật, hiện tượng, nói lên sự vật, hiện tượng đó là gì, phân biệt nó với các sự vật, hiện tượng khác.

Lượng là phạm trù triết học dùng để chỉ tính quy định khách quan vốn có của sự vật, hiện tượng về số lượng, quy mô, trình độ, nhịp điệu của sự vận động và phát triển của sự vật, hiện tượng cũng như của các thuộc tính của nó.

Trong mỗi sự vật, hiện tượng, chất và lượng tồn tại trong tính quy định lẫn nhau, không có chất hay lượng tồn tại tách rời nhau. Vì vậy, những sự thay đổi về lượng đều có khả năng dẫn tới những sự thay đổi về chất tương ứng và ngược lại, những sự biến đổi về chất của sự vật lại có thể tạo ra những khả năng dẫn tới những biến đổi mới về lượng của nó.

Sự thống nhất giữa lượng và chất, được thể hiện trong giới hạn nhất định gọi là độ. Độ là giới hạn trong đó có sự thống nhất giữa lượng và chất mà ở đó đã có sự biến đổi về lượng nhưng chưa có sự thay đổi về chất; sự vật khi đó còn là nó, chưa là cái khác. Đến điểm nút, qua bước nhảy bắt đầu có sự thay đổi về chất. Sự vật biến đổi hoàn toàn về chất thành sự vật khác.

Chất là mặt tương đối ổn định, lượng là mặt thường xuyên biến đổi. Lượng biến đổi mâu thuẫn, phá vỡ chất cũ, chất mới ra đời với lượng mới. Lượng mới lại tiếp tục biến đổi đến giới hạn nào đó lại phá vỡ chất cũ thông qua bước nhảy. Quá trình cứ thế tiếp diễn tạo nên cách thức vận động phát triển thống nhất giữa tính liên tục và tính đứt đoạn trong sự vận động phát triển của sự vật.

Ý nghĩa của quy luật: Con người nhận thức và hoạt động thực tiễn phải tích lũy lượng để thực hiện biến đổi về chất của các sự vật hiện tượng, khắc phục được khuynh hướng chủ quan, duy ý chí, muốn các bước nhảy liên tục. Mặt khác, cần khắc phục tư tưởng hữu khuynh, ngại khó khăn, lo sợ không dám thực hiện những bước nhảy vọt khi có đủ điều kiện. Trong hoạt động thực tiễn, cần tích cực chuẩn bị kỹ mọi điều kiện chủ quan. Khi có tình thế, thời cơ khách quan thì kiên quyết tổ chức thực hiện bước nhảy để giành thắng lợi quyết định.

+ Quy luật phủ định của phủ định

Quy luật này vạch ra khuynh hướng vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng

Thế giới vật chất tồn tại, vận động phát triển không ngừng. Sự vật hiện tượng nào đó xuất hiện, mất đi, thay thế bằng sự vật, hiện tượng khác, sự thay thế đó gọi là phủ định.

Phủ định biện chứng là sự tự phủ định do mâu thuẫn bên trong, vốn có của sự vật; là phủ định gắn liền với sự vận động phát triển.

Phủ định biện chứng khiến cho sự vật nào vận động cũng có tính chu kỳ. Tính chu kỳ của sự phát triển là từ một điểm xuất phát, trải qua một số lần phủ định, sự vật dường như quay trở lại điểm xuất phát trên cơ sở cao hơn.

Phủ định biện chứng là phủ định có sự kế thừa yếu tố tích cực của sự vật cũ và được cải biến đi cho phù hợp với cái mới.

Phép biện chứng duy vật khẳng định vận động phát triển đi lên, là xu hướng chung của thế giới, nhưng không diễn ra theo đường thẳng, mà diễn ra theo đường xoáy ốc quanh co phức tạp.

Ý nghĩa của quy luật: Khi xem xét sự vận động phát triển của sự vật, phải xem xét nó trong quan hệ cái mới ra đời từ cái cũ, cái tiến bộ ra đời từ cái lạc hậu, con người phải tôn trọng tính khách quan, chống phủ định sạch trơn, hoặc kế thừa không có chọn lọc. Mỗi người cần bình vực, ủng hộ cái mới, tin tưởng vào cái mới tiến bộ. Khi có những bước thoái trào cần xem xét kỹ lưỡng, phân tích nguyên nhân, tìm cách khắc phục để từ đó có niềm tin tưởng vào thắng lợi.

2.1.2. Chủ nghĩa duy vật lịch sử

2.1.2.1. Vai trò của sản xuất và phương thức sản xuất trong đời sống xã hội

- Vai trò của sản xuất

Con người sáng tạo ra lịch sử và là chủ thể của lịch sử. Để tồn tại và phát triển, trước tiên con người phải ăn uống, ở và mặc trước khi có thể lo chuyện làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo... Muốn vậy, họ phải lao động sản xuất ra của cải vật chất. Sản xuất vật chất là yêu cầu khách quan, là cơ sở của sự tồn tại, vận động và phát triển của xã hội; từ đó mới hình thành các quan điểm tư tưởng, quan hệ xã hội và các thiết chế xã hội khác nhau. Sản xuất vật chất là cơ sở của mọi sự tiến bộ xã hội.

Chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ rõ nguyên nhân và động lực của sự phát triển xã hội chính là do sự phát triển của sản xuất vật chất. Sản xuất ra của cải vật chất là yêu cầu khách quan của sự tồn tại và phát triển xã hội.

- Vai trò của phương thức sản xuất

Phương thức sản xuất là cách thức tiến hành sản xuất vật chất trong một giai đoạn nhất định của lịch sử. Mỗi phương thức sản xuất gồm hai mặt cấu thành là lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.

Lực lượng sản xuất là mối quan hệ giữa con người với giới tự nhiên, là trình độ chinh phục tự nhiên của con người, là mặt tự nhiên của phương thức sản xuất. Lực lượng sản xuất bao gồm tư liệu sản xuất và người lao động. Tư liệu sản xuất bao gồm đối tượng lao động và công cụ lao động, trong đó công cụ lao động là yếu tố động nhất, luôn đổi mới theo tiến trình phát triển khách quan của sản xuất vật chất.

Quan hệ sản xuất là mối quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất, là mặt xã hội của phương thức sản xuất. Quan hệ sản xuất bao gồm quan hệ sở hữu của người lao động đối với tư liệu sản xuất, quan hệ của họ trong quá trình tổ chức, quản lý và phân công lao động; quan hệ của họ trong phân phối sản phẩm lao động. Ba mặt đó có quan hệ hữu cơ với nhau, trong đó quan hệ sở hữu của người lao động đối với tư liệu sản xuất là mặt quyết định các mối quan hệ khác.

Phương thức sản xuất quyết định tính chất của xã hội. Xã hội là do những con người với các hoạt động của mình tạo ra. Nhưng con người không thể tùy ý lựa chọn chế độ xã hội cho mình. Sự ra đời một chế độ xã hội trong lịch sử do yếu tố hoàn toàn khách quan, là do phương thức sản xuất quyết định.

Phương thức sản xuất quyết định tổ chức kết cấu của xã hội. Tổ chức kết cấu của xã hội bao gồm các tổ chức kinh tế, quan điểm tư tưởng, giai cấp, đảng phái, nhà nước, thiết chế xã hội và các tổ chức chính trị - xã hội khác. Tổ chức kết cấu ấy không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người mà do phương thức sản xuất quyết định. Mỗi phương thức sản xuất khác nhau sinh ra một kiểu tổ chức kết cấu xã hội khác nhau.

Phương thức sản xuất quyết định sự chuyển hoá của xã hội loài người qua các giai đoạn lịch sử khác nhau. Lịch sử xã hội loài người là lịch sử phát triển của sản xuất, thực chất là sự phát triển của các phương thức sản xuất.

Khi phương thức sản xuất cũ mất đi, phương thức sản xuất mới ra đời thì chế độ xã hội cũ mất theo và chế độ xã hội mới sẽ ra đời.

2.1.2.2. Những quy luật cơ bản của sự vận động và phát triển xã hội

- Quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất

Lực lượng sản xuất như thế nào về trình độ thì quan hệ sản xuất phù hợp như thế ấy. Khi trình độ lực lượng sản xuất thay đổi thì quan hệ sản xuất cũng thay đổi theo. Do con người luôn tích lũy sáng kiến và kinh nghiệm, luôn cải tiến công cụ và phương pháp sản xuất nên lực lượng sản xuất luôn phát triển. Ngày nay, khoa học đã phát triển ở trình độ cao và trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

Lực lượng sản xuất phát triển đến mức độ nào đó mà quan hệ sản xuất cũ không còn phù hợp nữa nó sẽ cản trở hoặc mâu thuẫn gay gắt với lực lượng sản xuất. Để tiếp tục phát triển, lực lượng sản xuất phải phá vỡ quan hệ sản xuất cũ, thiết lập quan hệ sản xuất mới, phù hợp với trình độ mới của lực lượng sản xuất.

Vai trò tác động trở lại của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất

Nếu quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất thì nó thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển khiến cho các yếu tố của lực lượng sản xuất kết hợp với nhau một cách hài hoà để sản xuất phát triển và đưa lại năng suất lao động cao.

Quan hệ sản xuất không phù hợp thì nó kìm hãm, thậm chí phá vỡ lực lượng sản xuất.

Sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất không phải chỉ thực hiện một lần là xong mà diễn ra cả một quá trình. Mỗi khi sự phù hợp quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất bị phá vỡ là mỗi lần điều chỉnh, thay bằng sự phù hợp khác cao hơn.

Ý nghĩa của vấn đề: Ở đâu có đối tượng lao động thì ở đó cần có người lao động và công cụ lao động tương ứng với trình độ, kỹ năng của người lao động. Phải làm rõ các quan hệ sở hữu, cách thức tổ chức quản lý quá trình sản xuất và các hình thức phân phối phù hợp mới thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

- Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

Cơ sở hạ tầng là toàn bộ những quan hệ sản xuất (quan hệ sản xuất thống trị, quan hệ sản xuất tàn dư và quan hệ sản xuất mầm mống) hợp thành cơ cấu kinh tế của một hình thái kinh tế - xã hội nhất định, cơ sở hạ tầng có tính giai cấp.

Kiến trúc thượng tầng là toàn bộ những quan điểm tư tưởng chính trị, pháp quyền, đạo đức, nghệ thuật, tôn giáo, triết học... và những thiết chế chính trị - xã hội tương ứng như nhà nước, đảng phái, giáo hội, các tổ chức quần chúng... được hình thành trên cơ sở hạ tầng nhất định và phản ánh cơ sở hạ tầng đó.

Mỗi bộ phận của kiến trúc thượng tầng có đặc trưng, quy luật vận động và mối liên hệ riêng với cơ sở hạ tầng và liên hệ tác động lẫn nhau. Trong xã hội có giai cấp, kiến trúc thượng tầng có tính chất giai cấp. Cơ sở hạ tầng thế nào thì kiến trúc thượng tầng xây dựng tương ứng như thế ấy. Biến đổi cơ sở hạ tầng, sớm hay muộn cũng dẫn tới biến đổi kiến trúc thượng tầng. Cơ sở hạ tầng cũ mất đi, cơ sở hạ tầng mới ra đời, sớm hay muộn kiến trúc thượng tầng cũ cũng mất đi và kiến trúc thượng tầng mới ra đời.

Kiến trúc thượng tầng tác động trở lại, bảo vệ cơ sở hạ tầng đã sinh ra nó. Kiến trúc thượng tầng là tiên tiến khi nó bảo vệ cơ sở hạ tầng tiến bộ và tác động thúc đẩy cơ sở hạ tầng phát triển. Kiến trúc thượng tầng bảo thủ, lạc hậu sẽ tác động kìm hãm nhất thời sự phát triển cơ sở hạ tầng; sớm hay muộn nó cũng sẽ thay thế.

Mỗi bộ phận của kiến trúc thượng tầng tác động trở lại cơ sở hạ tầng theo hình thức và mức độ khác nhau, trong đó nhà nước có vai trò quan trọng và có hiệu lực mạnh nhất vì nhà nước là công cụ quyền lực, hiệu quả của giai cấp thống trị xã hội.

Ý nghĩa của vấn đề: Kinh tế quyết định chính trị, muốn hiểu các hiện tượng, quá trình xã hội phải xem xét cơ sở kinh tế nảy sinh các hiện tượng xã hội đó. Nhưng chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế, có khả năng thúc đẩy, phát triển kinh tế.

2.2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin

2.2.1. Học thuyết giá trị

Hàng hoá

- *Khái niệm:* Hàng hoá là sản phẩm của lao động, dùng để thoả mãn một nhu cầu nhất định nào đó của con người thông qua trao đổi mua và bán.

- *Hai thuộc tính của hàng hoá:* giá trị và giá trị sử dụng.

+ *Giá trị sử dụng của hàng hoá:* là công dụng của hàng hoá để thoả mãn nhu cầu nào đó của con người. Giá trị sử dụng đó do thuộc tính tự nhiên của vật thể hàng hoá quyết định. Trong kinh tế hàng hoá, giá trị sử dụng là cái mang giá trị trao đổi.

+ *Giá trị của hàng hoá:* là lao động xã hội cần thiết của người sản xuất hàng hoá kết tinh trong hàng hoá, nó được đo bằng thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hoá đó.

Thời gian lao động xã hội cần thiết là thời gian cần thiết để sản xuất ra một hàng hoá trong điều kiện bình thường của xã hội, tức là với một trình độ kỹ thuật trung bình và cường độ lao động trung bình so với hoàn cảnh xã hội nhất định.

- *Quy luật giá trị* là quy luật kinh tế căn bản của sản xuất và trao đổi hàng hoá. Ở đâu có sản xuất hàng hoá thì ở đó có sự tồn tại và phát huy tác dụng của quy luật giá trị.

Theo quy luật giá trị, sản xuất và trao đổi hàng hoá phải dựa trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết.

Trong kinh tế hàng hoá, mỗi người sản xuất phải điều chỉnh làm cho hao phí lao động cá biệt của mình phù hợp với mức chi phí mà xã hội chấp nhận được.

Trao đổi hàng hoá cũng phải dựa trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết, có nghĩa là trao đổi theo nguyên tắc ngang giá.

Giá trị là cơ sở của giá cả, còn giá cả là sự biểu hiện bằng tiền của giá trị, nên trước hết giá cả phụ thuộc vào giá trị. Tuy nhiên trên thị trường, ngoài giá trị, giá cả còn phụ thuộc vào các yếu tố khác như cạnh tranh, cung cầu, sức mua của người tiêu dùng... Tuy nhiên nó hoàn toàn nằm trong cơ chế hoạt động của quy luật giá trị.

- Ý nghĩa của học thuyết

Nghiên cứu học thuyết giá trị, hiểu rõ quy luật giá trị sẽ có kiến thức điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hoá; kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, tăng năng suất lao động, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. Từ đó giúp cho chúng ta hiểu rõ nguyên nhân của sự phân hoá xã hội thành người giàu, người nghèo, tạo ra sự bất bình đẳng trong xã hội để có phương hướng, giải pháp khắc phục.

2.2.2. Học thuyết giá trị thặng dư

Hàng hóa sức lao động

- *Khái niệm sức lao động*: Sức lao động là toàn bộ thể lực và trí lực tồn tại trong cơ thể con người, nó được vận dụng vào quá trình lao động sản xuất.

- *Hai điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa*:

+ Người lao động được tự do về thân thể

+ Người lao động không có tư liệu sản xuất và phải bán sức lao động của mình, trở thành những người làm thuê

- *Hai thuộc tính của hàng hóa sức lao động*:

+ *Giá trị hàng hoá sức lao động*: là thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất và tái sản xuất sức lao động, giá trị này được tính bằng toàn bộ những giá trị tư liệu sinh hoạt cần thiết đủ để duy trì sức khỏe của người lao động ở trạng thái bình thường; chi phí đào tạo tùy theo tính chất phức tạp của lao động; giá trị tư liệu sinh hoạt cho những người thay thế, tức con cái của công nhân.

+ *Giá trị sử dụng của hàng hoá sức lao động*: thể hiện ra trong quá trình tiêu dùng sức lao động để sản xuất ra một loại hàng hoá nào đó. Trong quá trình lao động, sức lao động tạo ra một lượng giá trị mới lớn hơn giá trị của bản thân nó, phần giá trị dôi ra so với giá trị sức lao động là giá trị thặng dư.

Giá trị thặng dư là một bộ phận của giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do công nhân làm thuê tạo ra và bị nhà tư bản chiếm không .

Để sản xuất ra giá trị thặng dư, nhà tư bản thường sử dụng hai phương pháp, đó là: phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối và phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối.

Ý nghĩa của học thuyết

Học thuyết giá trị thặng dư đã bóc trần bản chất của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa; chứng minh khoa học về cách thức bóc lột của giai cấp tư sản đối với công nhân làm thuê và luận chứng những mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản.

Học thuyết giá trị thặng dư còn trang bị cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động công cụ nhận thức các quy luật kinh tế, thúc đẩy cải tiến kỹ thuật, phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất lao động, tạo ra nhiều hàng hoá... phục vụ cho sự nghiệp xây dựng xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa.

Cung cấp tri thức về lịch sử phát triển của sản xuất tư bản chủ nghĩa, là cơ sở khoa học để phân tích nguyên nhân và dự báo chiều hướng phát triển kinh tế và xã hội.

2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2.3.1. Lý luận về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Định nghĩa giai cấp công nhân

Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội ổn định, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền đại công nghiệp hiện đại, với nhịp độ phát triển của lực lượng sản xuất có tính chất xã hội hóa ngày càng cao, là lực lượng lao động cơ bản trực tiếp hoặc tham gia vào quá trình sản xuất, tái sản xuất ra của cải vật chất và cải tạo các quan hệ xã hội; đại biểu cho lực lượng sản xuất và phương thức sản xuất tiên tiến trong thời đại ngày nay.

Đặc trưng cơ bản của giai cấp công nhân

- Về địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp công nhân

Thứ nhất, về phương thức lao động

Giai cấp công nhân là những tập đoàn người lao động, trực tiếp hay gián tiếp vận hành những công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại, có tính chất xã hội hoá cao.

Thứ hai, về địa vị của giai cấp công nhân trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa

Trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, người công nhân là những người không có tư liệu sản xuất, họ phải bán sức lao động trở thành người làm thuê và bị toàn bộ giai cấp tư sản bóc lột.

- Về đặc điểm chính trị - xã hội của giai cấp công nhân

Thứ nhất, giai cấp công nhân là giai cấp tiên tiến vì họ đại biểu cho phương thức sản xuất hiện đại nhất, gắn với khoa học và công nghệ tiên tiến - xu hướng của xã hội tương lai.

Thứ hai, giai cấp công nhân có tinh thần cách mạng triệt để. Trong xã hội tư bản, họ luôn đi đầu đấu tranh vì không có gì để mất, nếu được thì được tất cả. Mục đích của họ không chỉ là giải phóng mình mà còn giải phóng toàn bộ xã hội.

Thứ ba, giai cấp công nhân có ý thức tổ chức kỷ luật cao vì họ lao động trong hệ thống sản xuất có tính chất dây chuyền với yêu cầu nghiêm ngặt về kỷ luật lao động và thói quen của lối sống đô thị tập trung, tuân thủ pháp luật nhà nước...

Thứ tư, giai cấp công nhân có tinh thần quốc tế vô sản vì sản xuất công nghiệp tư bản chủ nghĩa có tính chất quốc tế; vì vậy, lao động của họ cũng có tính chất quốc tế.

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Giai cấp công nhân là sản phẩm của nền công nghiệp hiện đại, lực lượng đại biểu cho sự phát triển của lực lượng sản xuất tiên bộ, cho xu hướng phát triển của phương thức sản xuất tương lai; do vậy, về mặt khách quan đó là giai cấp có sứ mệnh lịch sử lãnh đạo nhân dân lao động đấu tranh xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xóa bỏ mọi chế độ áp bức bóc lột và xây dựng xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Nguyên vọng và lợi ích căn bản của giai cấp công nhân là xóa bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa, giành lấy chính quyền, tổ chức xây dựng chế độ mới với chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất.

2.3.2. Tiến trình phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

Thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội

Theo chủ nghĩa Mác, thời kỳ quá độ là thời kỳ cải biến cách mạng sâu sắc, toàn diện từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản. Đó là thời kỳ mà, đồng thời cùng tồn tại những đặc điểm, đặc trưng của cả hai kết cấu kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa và diễn ra cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa tư bản đã bị đánh bại nhưng chưa bị tiêu diệt hẳn và chủ nghĩa cộng sản đã phát sinh nhưng còn rất non yếu.

+ Tất yếu của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội

Các quan hệ xã hội của chủ nghĩa xã hội không tự nảy sinh và phát triển trong lòng xã hội tư bản mà là kết quả của quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Chủ nghĩa xã hội dựa trên lực lượng sản xuất phát triển cao, có năng suất hơn hẳn chủ nghĩa tư bản. Muốn vậy cần phải có thời gian để cải tạo nền sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa phát triển thành sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; để cho các quan hệ mới trở thành các quan hệ cơ bản, đặc trưng của xã hội mới.

+ *Đặc điểm của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là tồn tại đan xen những yếu tố của xã hội cũ và những nhân tố của xã hội mới.*

Về kinh tế còn tồn tại nhiều thành phần kinh tế, vừa thống nhất vừa cạnh tranh với nhau. Về tư tưởng văn hoá, tồn tại tư tưởng của giai cấp bóc lột vừa bị đánh đổ, tư tưởng tiểu tư sản, tâm lý tiểu nông, các yếu tố văn hoá cũ và mới, tồn tại đan xen ảnh hưởng lẫn nhau.

+ *Nội dung của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*

Trong lĩnh vực kinh tế: phát triển lực lượng sản xuất xã hội, tiến hành công nghiệp hoá để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội với những bước đi, hình thức thích hợp. Đồng thời từng bước cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới trên cơ sở của quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

Trong lĩnh vực chính trị: xây dựng củng cố nhà nước vô sản, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân; xây dựng Đảng cộng sản trong sạch, vững mạnh đủ sức lãnh đạo cách mạng; đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực, xâm hại quyền làm chủ của nhân dân; tiến hành đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hành động chống phá cách mạng của các thế lực thù địch.

Trong lĩnh vực tư tưởng - văn hoá: xây dựng nền văn hoá mới xã hội chủ nghĩa, kế thừa tinh hoa văn hoá dân tộc, tiếp thu có chọn lọc giá trị văn hoá nhân loại; khắc phục những tư tưởng và tâm lý ảnh hưởng tiêu cực đến sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong lĩnh vực xã hội: khắc phục những tệ nạn xã hội do xã hội cũ để lại; từng bước khắc phục sự chênh lệch phát triển giữa các vùng miền, các tầng lớp dân cư trong xã hội; từng bước xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Về xã hội xã hội chủ nghĩa

Đây là giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản, là xã hội có những đặc trưng cơ bản:

Cơ sở vật chất kỹ thuật của xã hội xã hội chủ nghĩa là nền đại công nghiệp ở trình độ cao, tạo ra năng suất lao động cao hơn hẳn năng suất lao động trong xã hội tư bản.

Có chế độ công hữu về tư liệu sản xuất; không còn chế độ người bóc lột người. Cách tổ chức lao động và kỷ luật lao động trên tinh thần tự giác, tự nguyện.

Thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động và phân phối theo phúc lợi xã hội ngày càng tăng.

Là xã hội dân chủ, Nhà nước có tính nhân dân rộng rãi, tính dân tộc sâu sắc.

Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, bình đẳng, phát triển toàn diện.

Về xã hội cộng sản chủ nghĩa

Xã hội cộng sản chủ nghĩa có những đặc trưng cơ bản là: Lực lượng sản xuất phát triển rất cao, của cải xã hội trở nên dồi dào, khoa học phát triển, lao động trở thành nhu cầu của

con người được giảm nhẹ, “làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu”. Con người có đầy đủ các điều kiện phát triển năng lực toàn diện.

Trình độ xã hội ngày càng phát triển, không còn sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động trí óc và lao động chân tay. Dân chủ phát triển ở mức độ cao. Những thiết chế chính trị và pháp luật sẽ hoàn toàn mất đi, nhà nước trở thành không cần thiết, nó tự tiêu vong.

3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

Vai trò của chủ nghĩa Mác- Lênin

Triết học Mác - Lênin Triết học Mác - Lênin mang lại cho con người khả năng nhận thức đúng đắn giới tự nhiên cũng như đời sống xã hội và tư duy.

Triết học Mác - Lênin không chỉ là lý luận về phương pháp giải thích thế giới mà còn là lý luận về phương pháp biến đổi và cải tạo thế giới.

Kinh tế chính trị Mác - Lênin đóng vai trò là chìa khoá để nhận thức lịch sử phát triển của sản xuất vật chất nói chung, giải thích các hiện tượng các quá trình kinh tế đang diễn ra trong thực tiễn, phân tích nguyên nhân dự báo triển vọng, chiều hướng phát triển kinh tế xã hội, là cơ sở khoa học để nhận thức, đề ra và thực hiện tốt đường lối, chủ trương, chính sách kinh tế của Đảng.

Chủ nghĩa xã hội khoa học đóng vai trò phát hiện và luận giải về quá trình tất yếu dẫn đến sự hình thành và phát triển hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, về vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về cách mạng xã hội chủ nghĩa, để thực hiện mục tiêu giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động khỏi ách áp bức bóc lột, giải phóng xã hội, tiến tới giải phóng con người.

Chủ nghĩa Mác - Lênin tiếp tục là nền tảng tư tưởng của Đảng và cách mạng nước ta

Chủ nghĩa Mác - Lênin - kết quả kế thừa tinh hoa trí tuệ của nhân loại

Chủ nghĩa Mác – Lênin - kết quả của sự tổng kết lịch sử, thực tiễn phát triển của xã hội

Chủ nghĩa Mác - Lênin - hệ thống lý luận hoàn chỉnh, chặt chẽ

Chủ nghĩa Mác - Lênin - sự thống nhất hữu cơ giữa thế giới quan và phương pháp luận

Chủ nghĩa Mác - Lênin - học thuyết mở không ngừng đổi mới, phát triển

Trước tình hình thế giới có nhiều biến động sâu sắc, bảo vệ, đổi mới và phát triển chủ nghĩa Mác- Lênin là yêu cầu khách quan, bắt nguồn từ bản chất cách mạng và khoa học của

học thuyết. Đảng cộng sản Việt Nam với tinh thần độc lập tự chủ, vận dụng sáng tạo, bổ sung và làm phong phú lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện cụ thể của đất nước.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày nội dung chủ yếu và phân tích ý nghĩa của chủ nghĩa duy vật biện chứng?
2. Trình bày nội dung chủ yếu và phân tích ý nghĩa của chủ nghĩa duy vật lịch sử?
3. Trình bày nội dung và phân tích ý nghĩa học thuyết giá trị của chủ nghĩa Mác?
4. Trình bày nội dung chủ yếu và phân tích ý nghĩa học thuyết giá trị thặng dư của chủ nghĩa Mác?
5. Trình bày nội dung chủ yếu và phân tích ý nghĩa học thuyết chủ nghĩa tư bản độc quyền của chủ nghĩa Mác - Lênin?
6. Phân tích đặc điểm chính trị - xã hội của giai cấp công nhân và liên hệ với thực trạng của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay?
7. Trình bày tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Liên hệ làm rõ những thuận lợi và khó khăn của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam?
8. Mỗi học sinh- sinh viên cần làm gì và như thế nào để nhận thức đúng về chủ nghĩa Mác - Lênin?

Bài 2

KHÁI QUÁT VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Khái niệm, cơ sở và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

1.1. Khái niệm

Đại hội XI (2011) của Đảng đã khẳng định:

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi.

1.2. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

1.2.1. Cơ sở khách quan

a. Hoàn cảnh lịch sử

- Bối cảnh thời đại

+ Đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản từ giai đoạn tự do cạnh tranh chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa và tăng cường xâm lược thuộc địa. Khát vọng lớn nhất của các dân tộc thuộc địa là đấu tranh giải phóng dân tộc.

+ Nhiều cuộc đấu tranh sôi nổi của công nhân các nước tư bản diễn ra, đỉnh cao là Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 đã làm “ thức tỉnh các dân tộc châu Á”, lật đổ nhà nước tư sản, thiết lập Chính quyền Xô Viết, mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử loài người.

+ Từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga, với sự ra đời của Quốc tế Cộng sản (3- 1919), phong trào công nhân trong các nước tư bản chủ nghĩa phương Tây và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa phương Đông càng có quan hệ mật thiết với nhau hơn trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc.

- Bối cảnh Việt Nam

+ Giữa thế kỷ XIX (1858), Pháp xâm lược Việt Nam, biến nước ta trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến, mâu thuẫn dân tộc và giai cấp ở Việt Nam ngày càng sâu sắc.

+ Các cuộc khởi nghĩa vũ trang và phong trào yêu nước theo nhiều khuynh hướng chính trị khác nhau liên tiếp diễn ra nhưng tất cả đều thất bại. Cách mạng Việt Nam lâm vào tình trạng khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo cách mạng. Phong trào cứu nước muốn thắng lợi phải đi theo một con đường cứu nước mới.

Trong bối cảnh đó, Hồ Chí Minh quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước và từng bước hình thành tư tưởng của mình, đáp ứng đòi hỏi bức thiết của dân tộc và thời đại.

b. Những tiền đề tư tưởng - lý luận

- Giá trị truyền thống dân tộc

Lịch sử dựng nước và giữ nước lâu đời đã hình thành nên những giá trị truyền thống hết sức đặc sắc và cao quý của dân tộc Việt Nam, trở thành tiền đề tư tưởng - lý luận xuất phát hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là: Truyền thống yêu nước, kiên cường bất khuất, tinh thần tương thân tương ái, lòng nhân nghĩa, ý thức cố kết cộng đồng, ý chí vươn lên, vượt qua mọi khó khăn thử thách, thông minh, truyền thống lạc quan, yêu đời, truyền thống cần cù lao động, thông minh, sáng tạo...

Trong các giá trị đó, chủ nghĩa yêu nước là tư tưởng, tình cảm cao quý thiêng liêng nhất, là cội nguồn của trí tuệ sáng tạo, lòng dũng cảm của người Việt Nam và là chuẩn mực đạo đức cơ bản của xã hội. Chính chủ nghĩa yêu nước đã thúc giục Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước.

- Tinh hoa văn hóa nhân loại

Tư tưởng Hồ Chí Minh có sự kết hợp hài hòa những giá trị tích cực, tiếp thu có chọn lọc, phê phán các quan điểm của cả văn hóa phương Đông và văn hóa phương Tây.

+ *Văn hóa phương Đông*: Hồ Chí Minh kế thừa những mặt tích cực của Nho giáo như: Triết lý hành động, tư tưởng nhập thế, hành đạo, giúp đời; tư tưởng xây dựng một thế giới đại đồng, xã hội bình trị; triết lý nhân sinh: tu thân, dưỡng tính; đề cao văn hóa trung hiếu. Với Phật giáo, Hồ Chí Minh đã tiếp thu tư tưởng hướng thiện: từ bi, bác ái, cứu khổ, cứu nạn, yêu thương con người. Với chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn, Người đã tiếp thu các tư tưởng phù hợp với điều kiện thực tiễn của đất nước: dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc,

+ *Văn hóa phương Tây*: Hồ Chí Minh nghiên cứu tiếp thu ảnh hưởng của nền văn hóa dân chủ và cách mạng phương Tây (văn hóa Pháp, tìm hiểu các cuộc cách mạng ở Pháp và Mỹ). Đồng thời, Người cũng đã tiếp thu các giá trị của bản *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của Đại Cách mạng Pháp; các giá trị về quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc của bản *Tuyên ngôn độc lập* ở Mỹ năm 1776. Ngoài ra, Người còn tiếp thu tư tưởng dân chủ của các nhà khai sáng như: Vonte, Rút-xô, Mông-tét-xkiơ...

Tóm lại, trên hành trình cứu nước, Hồ Chí Minh đã tự biết làm giàu trí tuệ của mình bằng vốn trí tuệ của thời đại, Đông và Tây, vừa tiếp thu, vừa gạn lọc để từ tầm cao tri thức nhân loại mà suy nghĩ, lựa chọn, kế thừa và đổi mới, vận dụng và phát triển.

- Chủ nghĩa Mác - Lênin

Chủ nghĩa Mác - Lênin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận, là nguồn gốc quan trọng nhất quyết định bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh. Không chỉ có mục tiêu mang giá trị nhân văn là giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp và giải phóng con người, chủ nghĩa Mác - Lênin còn vạch ra con đường, lực lượng và phương pháp để đạt được mục tiêu, từ đó mang lại cho con người cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc.

Từ chủ nghĩa yêu nước, Hồ Chí Minh đã tiếp thu bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng và phát triển sáng tạo vào điều kiện đặc thù của nước ta, giải quyết thành công những vấn đề cơ bản, cấp bách của cách mạng Việt Nam, khẳng định con đường cứu nước duy nhất là cách mạng vô sản. Vì vậy, có thể nói, tư tưởng Hồ Chí Minh chính là “chủ nghĩa Mác – Lênin” của Việt Nam.

1.2.2. Nhân tố chủ quan

- Khả năng tư duy và trí tuệ Hồ Chí Minh:

+ Khả năng quan sát, nhận xét thực tiễn để từ đó nhận thức đúng về sự thay đổi của dân tộc và thời đại

+ Khám phá quy luật vận động của xã hội, đời sống văn hóa và cuộc đấu tranh của các dân tộc để khái quát thành lý luận, đem lý luận chỉ đạo hoạt động thực tiễn và được kiểm nghiệm trong thực tiễn. Nhờ con đường nhận thức chân lý như vậy mà lý luận của Hồ Chí Minh mang giá trị khách quan, cách mạng và khoa học.

- Phẩm chất đạo đức và năng lực hoạt động thực tiễn:

+ Thể hiện ở tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, đầu óc có phê phán, tinh tường, sáng suốt trong việc nhận xét, đánh giá các sự vật, sự việc xung quanh.

+ Bản lĩnh kiên định, luôn tin vào nhân dân, khiêm tốn, giản dị, ham học hỏi; nhạy bén với cái mới, có phương pháp biện chứng, có đầu óc thực tiễn.

+ Sự khổ công học tập để chiếm lĩnh đỉnh cao tri thức nhân loại, tâm hồn của một nhà yêu nước chân chính, một chiến sĩ cộng sản nhiệt thành cách mạng, một trái tim yêu nước, thương dân, sẵn sàng chịu đựng hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân.

Chính những phẩm chất cá nhân quý báu đó đã quyết định việc Nguyễn Ái Quốc tiếp nhận, chọn lọc, chuyển hóa phát triển những tinh hoa của dân tộc và thời đại thành tư tưởng đặc sắc của mình.

1.3. Quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

Quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh trải qua 5 thời kỳ:

- Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước

- Thời kỳ từ 1911 - 1920: Tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc
- Thời kỳ từ 1921 - 1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam
- Thời kỳ 1930 - 1945: Vượt qua thử thách, kiên trì và giữ vững lập trường cách mạng
- Thời kỳ từ 1945 - 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển và hoàn thiện

2. Một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

2.1. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

- Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là nội dung cốt lõi xuyên suốt toàn bộ tư tưởng Hồ Chí Minh, được thống nhất trong cả lý luận và hoạt động thực tiễn, phản ánh chính xác mục đích, lý tưởng, khát vọng của Người

+ Hồ Chí Minh nêu một chân lý có giá trị cho mọi thời đại: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Đây được coi là động lực quan trọng để nhân dân ta quyết tâm chiến đấu đến cùng và giành độc lập. Độc lập dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh là khát vọng lớn nhất của các dân tộc thuộc địa. Độc lập dân tộc phải là một nền độc lập thật sự, hoàn toàn, gắn với hòa bình, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước. Độc lập phải triệt để toàn diện và bền vững. Muốn thế độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

+ Chủ nghĩa xã hội, theo tư tưởng Hồ Chí Minh là một chế độ do nhân dân lao động làm chủ; là chế độ có nền kinh tế phát triển cao, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện; con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột và bất công; là chế độ có nền văn hóa đạo đức phát triển cao trong đó người với người là bạn; các dân tộc chung sống trong hòa bình, mọi người đều có điều kiện phát huy hết tài năng.

- Qua thực tiễn hoạt động, Hồ Chí Minh nhận thấy quan hệ khăng khít của cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. Người xác định tư tưởng kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là để tạo ra sức mạnh vô tận nhằm lấy nhỏ thắng lớn trong chống đế quốc xâm lược, từ nghèo nàn lạc hậu đi thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua sự phát triển của tư bản chủ nghĩa.

+ Theo Hồ Chí Minh, sức mạnh dân tộc là sự tổng hợp của các yếu tố vật chất và tinh thần, song trước hết là sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và ý thức tự lực tự cường dân tộc; sức mạnh của tinh thần đoàn kết; của ý chí đấu tranh anh dũng, bất khuất cho độc lập tự do...Sức mạnh thời đại đó là sức mạnh của các trào lưu cách mạng trên thế giới và sức mạnh của cách mạng khoa học và công nghệ.

+ Nội dung tư tưởng kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại được người nêu rõ:

Thứ nhất, cách mạng Việt Nam là một bộ phận trong cách mạng thế giới.

Thứ hai, phải gắn kết chặt chẽ giữa chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong thời đại hiện nay để từ đó mới giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp một cách triệt để.

Thứ ba, phải giữ vững độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, dựa vào sức mình là chính, đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, nhưng không quên thực hiện nghĩa vụ quốc tế của mình.

Thứ tư, phải mở rộng quan hệ hữu nghị hợp tác, sẵn sàng làm bạn với tất cả các nước dân chủ; thái độ nước Việt Nam đối với những nước Á châu là một thái độ anh em, đối với ngũ cường là một thái độ bạn bè.

+ Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là cơ sở và điều kiện quan trọng để Việt Nam có thể giành độc lập dân tộc và đi lên Chủ nghĩa xã hội. Có thể nói đây là một tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh, là một vấn đề quan trọng của cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh không chỉ giải quyết điều đó về lý luận mà còn tổ chức thực tiễn đạt kết quả cao.

2.2. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân

- Để thay thế chế độ thực dân phong kiến tàn bạo, phản nhân tính, Hồ Chí Minh đã lựa chọn ra một kiểu nhà nước mới cho Việt Nam, đó là Nhà nước dân chủ cộng hòa, một nhà nước đại biểu quyền lợi "cho số đông người", thể hiện tính chất nhân dân, một nhà nước do nhân dân lao động làm chủ, nhà nước của dân, do dân, vì dân.

- Ngay từ những ngày đầu mới thành lập nhà nước, Hồ Chí Minh đã khẳng định: nước ta là nước dân chủ, tất cả quyền hạn đều của dân. Dân chủ theo Hồ Chí Minh được hiểu là: dân là chủ và dân làm chủ. Dân là chủ có nghĩa là xác định vị thế của dân, còn dân làm chủ có nghĩa là xác định quyền, nghĩa vụ của dân trong nhà nước đó.

- *Nhà nước của dân*: Tư tưởng của Hồ Chí Minh về nhà nước của dân được thể hiện rõ trong hai bản Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959. Nhà nước của dân là tất cả quyền bính trong nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo. Nhà nước của dân là nhà nước mà nhân dân lao động làm chủ do đó dẫn đến hệ quả là nhân dân có quyền kiểm soát nhà nước.

- *Nhà nước do dân*: Là nhà nước do dân lập nên, do dân ủng hộ, dân làm chủ. Nhiệm vụ của những người cách mạng là phải làm cho dân hiểu, làm cho dân giác ngộ để nâng cao được trách nhiệm làm chủ, nâng cao được ý thức trách nhiệm chăm lo xây dựng nhà nước của mình. Người khẳng định, việc nước là việc chung, mỗi người đều phải có trách nhiệm “ghé vai gánh vác một phần”, quyền lợi, quyền hạn bao giờ cũng đi đôi với trách nhiệm, nghĩa vụ.

- *Nhà nước vì dân*: Là nhà nước lấy lợi ích chính đáng của nhân dân làm mục tiêu, tất cả đều vì lợi ích của nhân dân, ngoài ra không có bất cứ một lợi ích nào khác, mọi đường lối, chính sách đều chỉ nhằm đưa lại quyền lợi cho dân; “*việc gì lợi cho dân ta phải hết sức làm, việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh*”². Dân là gốc của nước, phải làm cho dân có ăn, phải làm cho dân có mặc, phải làm cho dân có chỗ ở, phải làm cho dân được học hành. Trong nhà nước đó, từ Chủ tịch nước đến công chức bình thường đều phải làm công bộc, đầy tớ cho dân, vì dân phục vụ.

- Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước ta được coi là Nhà nước của dân, do dân, vì dân nhưng lại gắn liền với bản chất của giai cấp công nhân. Nhà nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, đảng của giai cấp công nhân không những thể hiện ý chí của giai cấp công nhân mà còn thể hiện ý chí của nhân dân và của toàn dân tộc, lợi ích cơ bản của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của toàn dân tộc là một.

- Muốn Nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân thì nhà nước đó phải hợp hiến, thông qua tổng tuyển cử lập: quốc hội; chính phủ và các cơ quan, bộ máy chính thức khác của Nhà nước, một bộ máy Nhà nước có đầy đủ giá trị pháp lý để giải quyết một cách có hiệu quả những vấn đề đối nội và đối ngoại ở nước ta.

- Theo Hồ Chí Minh, nhà nước của dân, do dân, vì dân phải được quản lý bằng pháp luật, trong đó quan trọng bậc nhất là Hiến pháp - đạo luật cơ bản của nước nhà. Các bản Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959 đã để lại dấu ấn đậm nét những quan điểm của Hồ Chí Minh về bản chất, thiết chế và hoạt động của Nhà nước mới. Bên cạnh đó còn cần chú trọng đưa thần linh pháp quyền vào trong cuộc sống, điều này đòi hỏi mọi người phải hiểu và tuyệt đối chấp hành pháp luật, bất kể người đó giữ cương vị nào. Suốt cả thời kỳ giữ trọng trách Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh luôn luôn chăm lo xây dựng một nền pháp chế xã hội chủ nghĩa để bảo đảm quyền làm chủ thật sự của nhân dân. Chính bản thân Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng về sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Sống và làm việc theo pháp luật đã trở thành nền nếp, thành thói quen, thành lối ứng xử tự nhiên của Hồ Chí Minh. Dân chủ đích thực bao giờ cũng đi liền với kỷ cương, phép nước, tức là đi liền với thực thi Hiến pháp và pháp luật.

- Để xây dựng một Nhà nước pháp quyền vững mạnh, vấn đề xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức được Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm. Nói một cách tổng quát nhất về yêu cầu đối với đội ngũ này là vừa có đức vừa có tài, trong đó đức là gốc; đội ngũ này phải được tổ chức hợp lý, có hiệu quả. Cần phải xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, kiên quyết

²Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.4, tr.56, 57

đấu tranh chống tham ô, lãng phí, quan liêu, đây được coi như “giặc nội xâm” cực kỳ nguy hiểm.

2.3. Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân

- Đại đoàn kết tức là trước hết phải đoàn kết đại đa số nhân dân, mà đại đa số nhân dân là công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đó là nền gốc của đại đoàn kết. Nó cũng như cái nền của nhà, cái gốc của cây. Nhưng đã có nền vững, gốc tốt, còn phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân khác.

- Hồ Chí Minh coi vấn đề đoàn kết có tầm quan trọng đặc biệt. Người cho rằng đoàn kết rộng rãi lực lượng toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng là sức mạnh vô địch và vô tận làm nên mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, đoàn kết tạo ra sức mạnh to lớn để có thể thắng được mọi kẻ thù hung ác nhất “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công”; Đoàn kết là mục tiêu là nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng và của dân tộc. Trong mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng phải quán triệt tư tưởng đại đoàn kết, đó là mục tiêu và nhiệm vụ đầu tiên; đại đoàn kết toàn dân tộc còn là sự nghiệp của quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh tự giải phóng.

- Đại đoàn kết dân tộc là đại đoàn kết toàn dân, bao gồm tất cả các giai cấp, dân tộc, tôn giáo, đảng phái, cá nhân yêu nước; đoàn kết toàn Đảng và đoàn kết quốc tế. Đại đoàn kết toàn dân phải trên cơ sở tương đồng về lợi ích, đó là lợi ích của quốc gia dân tộc gắn chặt với lợi ích của nhân dân; đặt lợi ích của dân tộc cao hơn hết thảy; phải kế thừa truyền thống yêu nước - nhân nghĩa - đoàn kết của dân tộc; phải khoan dung độ lượng với con người; phải có niềm tin vào nhân dân.

- Đại đoàn kết dân tộc được tổ chức trong mặt trận dân tộc thống nhất. Đây là hình thức tổ chức thích hợp nhất để đoàn kết nhân dân; trong đó phải sử dụng phương pháp giáo dục thuyết phục, vận động là chủ yếu; hiệp thương; đấu tranh phê bình trên tinh thần dân chủ là hình thức sinh hoạt của mặt trận. Mặt trận dân tộc thống nhất chính là hình thức tổ chức đội quân chính trị của quần chúng.

- Đảng Cộng sản vừa là thành viên vừa là lực lượng lãnh đạo mặt trận, phải đoàn kết toàn đảng để làm nòng cốt đoàn kết trong mặt trận. Đảng lãnh đạo mặt trận là nguyên tắc hàng đầu trong xây dựng mặt trận; cùng với đó phải biết dựa trên khối công nhân liên minh với nông dân và tầng lớp trí thức vững chắc để phát huy sức mạnh toàn dân nhằm thực hiện mục tiêu cách mạng.

2.4. Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

- Về kinh tế:

Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định rõ nhiệm vụ quan trọng nhất đó là phải phát triển kinh tế, xây dựng nền tảng vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

+ Về cơ cấu kinh tế trong quá trình công nghiệp hóa: Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương phát triển cả công nghiệp và nông nghiệp vì “Công nghiệp và nông nghiệp là như hai chân của nền kinh tế nước nhà. Chân phải thật vững thật khỏe, thì kinh tế mới tiến bộ thuận lợi và nhanh chóng”³.

+ Về hình thức sở hữu và thành phần kinh tế: Theo Hồ Chí Minh, nền kinh tế xã hội chủ nghĩa phải tạo lập trên cơ sở chế công hữu về tư liệu sản xuất. Tuy nhiên, ở thời kỳ quá độ, nền kinh tế đó sẽ còn tồn tại bốn hình thức sở hữu chính là: sở hữu nhà nước, sở hữu hợp tác xã, sở hữu của người lao động riêng lẻ và sở hữu của nhà tư bản.

+ Đặc trưng của tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế là cần kiệm xây dựng nước nhà, tăng gia sản xuất và tiết kiệm, sản xuất đi đôi với tiết kiệm, sản xuất mà không tiết kiệm thì như gió vào nhà trống.

- Về văn hóa:

+ Hồ Chí Minh đã nhận thấy rõ vị trí đặc biệt quan trọng và ý nghĩa lớn lao của văn hóa là động lực của sự phát triển kinh tế, xã hội: “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định nhiệm vụ xây dựng “một nền văn hóa mới” và chỉ rõ tính chất, đặc trưng và chức năng chủ yếu của nền văn hóa đó. Văn hóa bao gồm nhiều lĩnh vực rộng lớn và phong phú, bao gồm văn hóa chính trị, văn hóa đạo đức, văn hóa giáo dục, văn hóa nghệ thuật, văn hóa pháp luật, văn hóa lao động, đời sống văn hóa cụ thể, văn hóa lối sống...

+ Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Toàn dân tham gia sáng tạo văn hóa, toàn dân làm nghĩa vụ và đóng góp cho sự phát triển văn hóa, toàn dân tham gia xây dựng và tự quản đời sống văn hóa của mình và toàn dân được quyền hưởng thụ, tiếp nhận, lưu giữ và truyền bá văn hóa tốt đẹp, lành mạnh.

+ Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa đã và đang là những định hướng lớn cho việc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc của chúng ta hiện nay.

³Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.8, tr.84

- Về nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân:

Tư tưởng đấu tranh cách mạng của Hồ Chí Minh xét đến cùng là vì mục tiêu “vì con người, vì nhân dân”. Tư tưởng nhân văn này hiện nay đã trở thành mục tiêu của các chiến lược kinh tế - xã hội nước ta. Những câu nói nổi tiếng của Bác Hồ còn âm vang mãi với Đảng ta, với non sông đất nước ta: “Chúng ta tranh được tự do độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét thì tự do độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân ăn no, mặc đủ”⁴. Chính vì vậy, khi bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, Hồ Chủ tịch đã chỉ rõ rằng: “chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc”⁵. Quan tâm mục tiêu kinh tế “vì con người, vì nhân dân” là thể hiện sự quan tâm, chăm lo đến yếu tố động nhất, quyết định nhất của lực lượng sản xuất, động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

2.5. Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò và sức mạnh của đạo đức

Theo Hồ Chí Minh, đạo đức là gốc của cách mạng. Đạo đức là nguồn nuôi dưỡng và phát triển con người, như gốc của cây, ngọn nguồn của sông suối. Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng thì mới lãnh đạo được nhân dân, hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang.

Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là đạo đức hành động, lấy hiệu quả thực tế làm thước đo, Hồ Chí Minh luôn đặt đạo đức bên cạnh tài năng, gắn đức với tài, lời nói đi đôi với hành động và hiệu quả trên thực tế

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về những chuẩn mực đạo đức cách mạng

+ **Một là: Trung với nước, hiếu với dân**

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, trung với nước, hiếu với dân là phẩm chất quan trọng nhất, bao trùm nhất và chi phối các phẩm chất khác.

Theo Hồ Chí Minh, trung với nước phải gắn liền với hiếu với dân, vì nước là của dân và dân là chủ của đất nước, bao nhiêu quyền hành, lực lượng đều ở nơi dân, bao nhiêu lợi ích đều vì dân, cán bộ là đầy tớ của dân chứ không phải là “quan cách mạng”.

Trung với nước là tuyệt đối trung thành với sự nghiệp dựng và giữ nước, trung thành với con đường đi lên của đất nước, là suốt đời phấn đấu cho Đảng, cho cách mạng.

Hiếu với dân là thể hiện ở chỗ thương dân, tin dân, phục vụ nhân dân hết lòng. Phải gần dân, kính trọng và học tập nhân dân, phải dựa vào dân, lấy dân làm gốc.

⁴Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.4, tr.152

⁵Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.8, tr.603

Trung với nước hiếu với dân vừa là lời kêu gọi hành động, vừa là định hướng chính trị - đạo đức cho mỗi người Việt Nam trong cuộc đấu tranh cách mạng và xây dựng, phát triển đất nước.

+ Hai là: Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đây là phẩm chất gắn liền với hoạt động hàng ngày của mỗi người, là đại cương đạo đức Hồ Chí Minh.

Cần: Là lao động cần cù, siêng năng, có kế hoạch, có tinh thần lao động sáng tạo, giữ kỷ luật, năng suất cao, có trách nhiệm và luôn tự lực cánh sinh. Để có cần, phải rèn luyện thường xuyên, phải chống thói lười nhĩ, lười làm, ham chơi, ham vui.

Kiệm: Là tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng, tiết kiệm sức lao động, thời gian, tiền của dân, của nước, của tập thể, của mình, tiết kiệm mọi lúc, mọi nơi thực chất, có hiệu quả, tiết kiệm từ cái to đến cái nhỏ, luôn có ý thức chống hình thức liên hoan, chè chén lu bù, lãng phí của cải thời gian....

Liêm: Là luôn luôn tôn trọng và bảo vệ của công và của dân, không xâm phạm đồng xu, hạt thóc của nước, của dân trong mọi hoàn cảnh, không tham lam, không ham sung sướng, không ham người ta tặng bốc mình, chỉ có một cái ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ.

Chính: Là thẳng thắn, đứng đắn, quang minh chính đại. Chính là cái tâm thẳng thắn đối với người, với việc, không tự cao, tự đại, luôn thật thà, tự kiểm điểm mình, đặt việc công trên việc tư, mỗi ngày làm một việc lợi, không sợ khó, sợ khổ.

Cần, kiệm, liêm, chính là bốn đức tính có mối quan hệ chặt chẽ với nhau và không thể thiếu của mỗi con người, cũng giống như bốn mùa của trời, bốn phương của đất. Cán bộ, đảng viên phải là người thực hành trước để làm kiểu mẫu cho dân.

Chí công vô tư : Là luôn công bằng, công tâm, không thiên tư thiên vị, nêu cao chủ nghĩa tập thể, trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân.

Cần, kiệm, liêm, chính liên quan chặt chẽ với nhau và gắn với chí công vô tư, thiếu một mặt nào đó thì không thể thành người có đạo đức cách mạng.

+ Ba là: Yêu thương con người, sống có nghĩa tình

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đây là phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất vì người cách mạng có yêu thương nhân dân mới sẵn sàng làm cách mạng.

Tình yêu thương đó là một tình cảm rộng lớn, trước hết dành cho những người nghèo khổ, những người bị áp bức, bị bóc lột không phân biệt màu da sắc tộc.

Tình yêu thương con người phải được xây dựng trên lập trường giai cấp công nhân, thể hiện trong mối quan hệ hàng ngày với bạn bè, đồng chí, anh em... Nó đòi hỏi phải vị tha, độ lượng, tôn trọng con người và nâng con người lên, kể cả những người nhất thời lầm đường

lạc lối chứ không phải là thái độ dĩ hòa vi quý, không phải hạ thấp, càng không phải vùi dập con người.

+ Bốn là: Có tinh thần quốc tế trong sáng

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đây là một trong những phẩm chất đạo đức quan trọng nhất của đạo đức cộng sản. Nội dung chủ nghĩa quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh rất rộng lớn và sâu sắc. Đó là sự tôn trọng và thương yêu tất cả các dân tộc, nhân dân các nước, đoàn kết với giai cấp vô sản toàn thế giới, với tất cả các dân tộc; Chống hằn thù, bất bình đẳng dân tộc, phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, biệt lập, bành trướng bá quyền; Chủ trương giúp bạn là tự giúp mình; Đoàn kết quốc tế nhằm thực hiện những mục tiêu lớn của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, là hợp tác và hữu nghị theo tinh thần: Bốn phương vô sản đều là anh em.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về nguyên tắc rèn luyện đạo đức cách mạng

+ Thứ nhất: Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức

Đây là nguyên tắc quan trọng bậc nhất trong xây dựng đạo đức mới.

Nói đi đôi với làm là đặc trưng, bản chất của đạo đức cách mạng, nó đối lập với đạo đức giả của giai cấp bóc lột. Nêu gương về đạo đức là nét đẹp truyền thống văn hóa phương Đông. Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức phải gắn liền với nhau. Nói đi đôi với làm đem lại hiệu quả thiết thực cho mình và cho người khác. Trong xây dựng đạo đức mới, Người yêu cầu đạo đức cách mạng phải chú trọng đến đạo làm gương.

+ Thứ hai: Xây đi đôi với chống

Để xây dựng đạo đức mới cần kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống. Xây phải đi đôi với chống, muốn xây phải chống, chống nhằm mục đích xây. Xây dựng đạo đức mới phải được tiến hành bằng việc giáo dục những phẩm chất, chuẩn mực đạo đức mới, phải phù hợp với từng giai đoạn cách mạng, lứa tuổi, ngành nghề, giai cấp. Xây đi đôi với chống phải gắn với việc loại bỏ cái sai, cái xấu, cái vô đạo đức trong đời sống hàng ngày.

+ Thứ ba: Phải tu dưỡng đạo đức suốt đời

Một nền đạo đức mới chỉ có thể được xây dựng trên cơ sở sự tự giác tu dưỡng đạo đức của mỗi người. Theo Hồ Chí Minh, đã là người thì ai cũng có chỗ hay, chỗ dở, chỗ tốt, chỗ xấu, ai cũng có thiện, có ác ở trong mình, vấn đề là dám nhìn thẳng vào mình, thấy rõ cái hay, cái tốt, cái thiện để phát huy, thấy cái xấu, cái dở để mà quyết tâm khắc phục, không tự lừa dối, huyễn hoặc.

Đối với mỗi người, việc tu dưỡng đạo đức phải thực hiện trong mọi hoạt động thực tiễn, trong mọi quan hệ xã hội, phải chăm lo tu dưỡng đạo đức như việc rửa mặt hàng ngày. Phải làm kiên trì, bền bỉ, suốt đời. Bởi vì: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống,

nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”.

2.6. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau

- Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành sự quan tâm, chăm lo đến việc bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau - Thế hệ trẻ. Theo Người, đây là việc làm rất quan trọng và cần thiết.

- “Vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người” nên Hồ Chí Minh luôn coi trọng và đánh giá cao vai trò của thanh niên đối với vận mệnh đất nước. Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà, nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do thanh niên: “Một năm khởi đầu từ mùa xuân. Một đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội”⁶. Người yêu cầu Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các thế hệ đi trước phải quán triệt sâu sắc về vai trò và tầm quan trọng của công tác giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ. Đồng thời, Người cũng chỉ ra nhiệm vụ của thế hệ trẻ là noi gương những người đi trước, tự mình phấn đấu học tập và rèn luyện để có tri thức, có ý chí, nghị lực và tinh thần cách mạng

- Theo Hồ Chí Minh, xây dựng thế hệ tương lai, chủ thể của đất nước phải là một nhiệm vụ chiến lược, đi trước một bước so với xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Mục đích của việc chăm lo bồi dưỡng thế hệ trẻ là đào tạo ra những con người mới, những cán bộ mới cho cách mạng, những chiến sỹ cách mạng kiên cường đấu tranh vì sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta.

- Việc giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ theo Hồ Chí Minh cần phải tập trung vào những nội dung cơ bản:

Thứ nhất: Giáo dục, bồi dưỡng toàn diện cho thế hệ trẻ để thành người cán bộ vừa “hồng” vừa “chuyên”. Đó là:

Giáo dục, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thanh niên mà hạt nhân là giáo dục Chủ nghĩa Mác - Lênin.

Giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ về trình độ học vấn và năng lực hoạt động thực tiễn.

Giáo dục nếp sống văn hóa và giáo dục thể chất cho thanh niên.

Quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho thế hệ trẻ.

Thứ hai: Phải có phương châm giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ

Giáo dục phải phù hợp với mỗi đối tượng; học phải đi đôi với hành,

Giáo dục phải phối hợp gia đình, nhà trường và xã hội; phải phát huy dân chủ, bình đẳng trong giáo dục; phát động phong trào thi đua.

⁶Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà nội, 2000 t.4, tr.167

Giáo dục, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau phải xuất phát từ yêu cầu cách mạng mỗi giai đoạn, từ thực tiễn xã hội, cần phải tuyên truyền sâu rộng về vai trò, vị trí trách nhiệm của thanh niên cũng như tầm quan trọng của việc chăm lo bồi dưỡng thế hệ trẻ.

Giáo dục cho thế hệ trẻ truyền thống dân tộc, truyền thống cách mạng của Đảng, đạo đức cách mạng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, định hướng cho thế hệ trẻ biết kết hợp chặt chẽ giữa yêu nước và yêu chế độ Xã hội chủ nghĩa trong hành động, thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa.

3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam

- Tư tưởng Hồ Chí Minh gắn kết chặt chẽ với sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Dưới sự dẫn dắt trực tiếp của Người, cách mạng Việt Nam đã đi từ thắng lợi này tới thắng lợi khác. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

- Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta:

+ Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho Đảng ta và nhân dân ta trên con đường thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

+ Trong bối cảnh của thế giới ngày nay, tư tưởng Hồ Chí Minh giúp chúng ta nhận thức đúng những vấn đề lớn có liên quan đến việc bảo vệ nền độc lập dân tộc, phát triển xã hội và bảo đảm quyền con người.

+ Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng vững chắc để Đảng ta vạch ra đường lối cách mạng đúng đắn, là sợi chỉ đỏ dẫn đường cho toàn Đảng, toàn quân ta đi tới thắng lợi.

- Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay, cần tập trung vào những vấn đề cốt lõi sau:

Một là: Kiên định mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

Trong bản Di chúc năm 1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết mong muốn của Người là “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết, phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”⁷. Người từng đặt ra nhiệm vụ quan trọng sau khi Việt Nam giành được độc lập là phải: “Xây dựng nền tảng vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội”⁸, phát triển kinh tế chính là điều kiện đầu tiên để đạt được mục tiêu dân giàu, nước mạnh.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát triển lý luận về dân chủ trong thời đại mới và đã áp dụng thành công vào xây dựng nền dân chủ mới ở Việt Nam. Dân chủ được Người thực hiện trên tất cả các phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, và tất cả đều dựa trên một

⁷Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - ST Hà Nội, 2000, t 12, tr.518

⁸Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t 10, tr 13

nguyên tắc bất di, bất dịch: quyền hành, lực lượng và lợi ích đều thuộc về nhân dân. “*Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân*”⁹.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về các vấn đề phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, phát huy dân chủ tiếp tục là ngọn cờ soi sáng con đường cách mạng Việt Nam trong quá trình đi lên xây dựng Chủ nghĩa xã hội, đạt được mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

Hai là: Kiên định đường lối độc lập, tự chủ và tích cực, chủ động hội nhập quốc tế

Độc lập dân tộc là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của dân tộc Việt Nam. Giữ vững độc lập, tự chủ vừa là đường lối, vừa là nguyên tắc bất biến để chúng ta bảo vệ tốt nhất lợi ích quốc gia, dân tộc của mình. Kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng, nhà nước và nhân dân ta:

Luôn luôn kiên định đường lối độc lập, tự chủ và tích cực, chủ động hội nhập quốc tế.

Bảo đảm độc lập, tự chủ là nguyên tắc nhất quán trong hệ thống quan điểm hội nhập quốc tế của Đảng ta và là đường lối xuyên suốt trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta kể từ khi tiến hành công cuộc đổi mới.

4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống là nền tảng và động lực để phát triển xã hội. Đạo đức là gốc của mỗi con người.

Ngay từ khi ra đời đến nay, Đảng ta luôn đặc biệt coi trọng, quan tâm đến việc giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, phòng, chống suy thoái trong cán bộ, đảng viên và toàn xã hội.

- Thực tiễn từ khi đổi mới đến nay, do tác động của nhiều nhân tố khách quan và chủ quan, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên diễn biến phức tạp. Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (tháng 1- 1994) Đảng đã chỉ ra những biểu hiện của tình trạng này, coi đó là một trong bốn nguy cơ tụt hậu cần quan tâm đấu tranh phòng, chống. Các Đại hội Đảng tiếp theo và nhiều Hội nghị Trung ương Đảng các khóa đều có đánh giá thực trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đồng thời xác định việc ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng này là nhiệm vụ vừa cơ bản lâu dài, vừa có ý nghĩa cấp bách trước mắt.

⁹Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hà Nội, 2000, t 5, tr.698

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, ngày 15- 5- 2016, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 05- CT/TW về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” xem đây là một nội dung quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng nhằm góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược đủ năng lực, phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu”.

- Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô giá của Đảng và nhân dân ta. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là một chủ trương lớn, liên tục, lâu dài của Đảng ta. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng khẳng định: “...Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; coi đó là công việc thường xuyên của các tổ chức đảng, các cấp chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, địa phương, đơn vị gắn với chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống”.

4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Thứ nhất: Học tập và làm theo phẩm chất đạo đức Hồ Chí Minh

- Suốt đời vì dân, vì nước:

Quan điểm “trung với nước, hiếu với dân” là tôn chỉ, nguyên tắc hoạt động xuyên suốt cuộc đời cách mạng của Người. Tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là tấm gương của một con người cả đời phấn đấu hy sinh, tất cả vì dân, vì nước, vì hạnh phúc con người.

- Ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, vượt qua mọi thử thách, khó khăn để đạt được mục đích:

Được nuôi dưỡng bởi truyền thống đạo đức của dân tộc, ở Hồ Chí Minh đã hình thành một lý tưởng và hoài bão đúng đắn, tạo ra động lực cho Người vượt qua mọi thử thách, chông gai để đưa cách mạng đi đến thắng lợi cuối cùng. Trong cuộc đời hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh từng bị tù đày nhiều nơi, nhưng vẫn luôn giữ thái độ lạc quan, tin tưởng vào sức mạnh của con người, vào cuộc sống, chính nghĩa, với ý chí, nghị lực tinh thần to lớn, vượt qua mọi thử thách, khó khăn.

- Hết lòng thương yêu, quý trọng, phục vụ nhân dân:

Là một tấm gương mẫu mực phục vụ nhân dân, Hồ Chí Minh ý thức rõ ràng, cán bộ phải có trách nhiệm với dân, làm cán bộ chứ không phải quan cách mạng, cho nên từ việc nhỏ đến lớn đều phải vì nhân dân; ở bất kỳ cương vị nào cũng phải vì nhân dân mà phục vụ. Hồ Chí Minh là người thấu hiểu dân tình, chăm lo dân sinh, nâng cao dân trí để không ngừng thực hành dân chủ cho dân, ngày đêm Người đau đáu một điều là “giành được độc lập rồi, thì phải làm cho dân được ăn no mặc ấm”, nếu không, nền độc lập đó chẳng có giá trị gì; để dân đói, dân rét thì Đảng và Chính phủ có lỗi với dân.

- Nhân ái, vị tha, khoan dung, nhân hậu, luôn hết mực vì con người:

Lòng khoan dung nhân ái của Hồ Chí Minh luôn dành hết mực cho mọi kiếp người, Người cảm thấy rất đau khổ khi nhìn thấy những thanh niên Mỹ chết một cách vô ích ở Việt Nam. Hiếm có một lãnh tụ nào trong chiến tranh mà lại thấy được máu nào cũng là máu, người nào cũng là người, đều quý như nhau. Ngay đối với kẻ xâm lược đã gây nên bao đau thương cho dân tộc mình, gây ra bao tội ác đối với nhân dân, nhưng khi bị bắt, Người vẫn căn dặn cán bộ, chiến sĩ ta phải đối xử với họ một cách khoan hồng, phải làm cho thế giới thấy rằng dân tộc Việt Nam là một dân tộc văn minh, tiên bộ, văn minh hơn bọn đi giết người, cướp nước.

- Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đời riêng trong sáng, nếp sống giản dị và hết sức khiêm tốn:

Hồ Chí Minh là tấm gương sáng về thực hành tiết kiệm trong ăn, mặc, ở, đi lại... Mọi cái ở Người được sử dụng một cách hợp lý, tiết kiệm đã trở thành nếp sống, sinh hoạt, thành giá trị văn hoá, triết lý nhân sinh, biểu trưng của lối sống văn minh, hiện đại làm cơ sở cho việc thực hiện tinh thần nhân văn cao cả trong thế giới còn nghèo đói, khó khăn, vật lộn để sinh tồn và phát triển. Giữ mình liêm khiết, trong sạch, Hồ Chí Minh sống trung thực, chân thành với chính mình và với người khác, luôn tôn trọng nhân cách người khác, Người biết nâng con người lên, khuyến khích, động viên để con người thấy rõ giá trị đích thực của cuộc sống, có khát vọng sống.

Thứ hai: Học tập và làm theo phong cách Hồ Chí Minh

Phong cách Hồ Chí Minh được thể hiện trong mọi lĩnh vực sống và hoạt động của Người, tạo thành một chỉnh thể nhất quán, có giá trị khoa học, đạo đức và thẩm mỹ. Phong cách Hồ Chí Minh gồm những điểm nổi bật sau đây:

- Phong cách tư duy:

Phong cách tư duy của Người bao gồm phong cách tư duy khoa học, cách mạng và hiện đại; phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo; phong cách tư duy hài hoà, uyển chuyển,

có lý có tình. Hồ Chí Minh luôn biết xuất phát từ cái chung, cái nhân loại, từ những chân lý phổ biến, những “lẽ phải không ai chối cãi được” để nhận thức và lý giải những vấn đề của thực tiễn.

- Phong cách làm việc:

Nói tới phong cách làm việc của Hồ Chí Minh là nói tới phong cách làm việc khoa học, có kế hoạch, đúng giờ. Hồ Chí Minh yêu cầu làm việc gì cũng phải điều tra, nghiên cứu, thu thập thông tin, số liệu, để nắm chắc thực chất tình hình. Trong việc đặt kế hoạch “không nên tham lam, phải thiết thực, vừa sức, từ thấp đến cao”, “chớ làm kế hoạch đẹp mắt, to tát, kẻ hàng triệu, nhưng không thực hiện được”. Người luôn quý trọng thời gian, không để ai phải đợi mình, chủ động đến trước nếu có thể. Ngoài ra, Người còn có phong cách đổi mới, sáng tạo, không chấp nhận lối cũ, đường mòn. Người nói: Tư tưởng bảo thủ như là sợi dây cột chân, cột tay người ta..., muốn tiến bộ phải có tinh thần mạnh dạn, dám nghĩ, dám làm.

- Phong cách lãnh đạo:

Phong cách lãnh đạo của Hồ Chí Minh thể hiện qua việc tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; đi đúng đường lối quần chúng, lắng nghe ý kiến của đảng viên, của nhân dân, của những người “không quan trọng”. Theo Người, phải biết động viên, khuyến khích khiến cho cán bộ cả gan nói, cả gan đề ra ý kiến, tức là phải làm cho cấp dưới không sợ nói sự thật và cấp trên không sợ nghe sự thật; phải tổ chức việc kiểm tra, kiểm soát cho tốt. Trong giai đoạn 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1955- 1965) không quản tuổi cao, công việc bề bộn, Người đã thực hiện hơn 700 lượt đi thăm các địa phương, công trường, xí nghiệp, hợp tác xã, đơn vị bộ đội để thăm hỏi chiến sĩ và đồng bào và xem xét tình hình, kiểm tra công việc. Về phong cách nêu gương, Người đòi hỏi, mỗi cán bộ, đảng viên phải làm kiểu mẫu trong công tác và lối sống, trong mọi lúc, mọi nơi, nói phải đi đôi với làm để quần chúng noi theo.

- Phong cách diễn đạt:

Phong cách diễn đạt của Người được thể hiện qua cách nói, cách viết giản dị, cụ thể, thiết thực; diễn đạt ngắn gọn, cô đọng, hàm súc, trong sáng và sinh động, có lượng thông tin cao. Bác Hồ thường viết ngắn: “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị”, chỉ với 9 chữ mà Bác đã khái quát được cả ba giai đoạn đầy biến động của đất nước. Nhiều câu Bác đúc kết lại như châm ngôn: “Nước lấy dân làm gốc”, “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”...; sinh động, gần gũi với cách nghĩ của quần chúng, gần với những hình ảnh ví von, so sánh cụ thể. Người dùng hình ảnh “con đũa hai vôi” để nói về bản chất của chủ nghĩa đế quốc, hoặc ví “lý luận như cái tên, thực hành như cái đích” để nhấn... Phong cách diễn đạt của Bác luôn luôn biến

hoá, nhất quán mà đa dạng, Bác dạy: “Mỗi tư tưởng, mỗi câu nói, mỗi chữ viết, phải tỏ rõ cái tư tưởng và lòng ước ao của quần chúng”.

- Phong cách ứng xử:

Phong cách ứng xử của Hồ Chí Minh rất khiêm tốn, nhã nhặn, lịch thiệp; chân tình, nồng hậu, tự nhiên; linh hoạt, chủ động, biến hoá; vui vẻ hoà nhã, xoá nhoà mọi khoảng cách... Với phong cách ứng xử đó đã lý giải vì sao, mỗi khi Bác Hồ xuất hiện ở đâu là ở đó rộn lên niềm vui và tiếng cười hồ hởi không dứt.

- Phong cách sinh hoạt:

Phong cách sinh hoạt của Người là sống cần kiệm, liêm chính, sống hài hoà, nhuần nhuyễn giữa văn hoá Đông – Tây nhưng luôn giữ vững, yêu quý và tự hào về văn hoá Việt Nam, tôn trọng quy luật tự nhiên, gắn bó với thiên nhiên

Thứ ba: Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Để thực hiện tốt việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

Một là: Tiếp tục phát huy cao độ vai trò của hệ thống tổ chức, cấp ủy và lãnh đạo các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện

Đây là giải pháp quan trọng hàng đầu, đóng vai trò quyết định trực tiếp đến hiệu quả thực hiện thắng lợi đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên, quần chúng theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là một trong những hoạt động của công tác xây dựng Đảng trong mỗi tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị. Vì vậy, cấp ủy, lãnh đạo các cấp, đội ngũ cán bộ, đảng viên có vai trò quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng, hiệu quả những hoạt động đó ở cơ quan, đơn vị mình. Tổ chức đảng, trong đó hạt nhân là cấp ủy đảng có vai trò quyết định đến chất lượng, hiệu quả học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên, quần chúng.

Hai là: Vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức, phương pháp trong thực hiện đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Chất lượng, hiệu quả đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh phụ thuộc rất lớn vào các hình thức, phương pháp giáo dục. Cần đổi mới và vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức, phương pháp tổ chức đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đây là yêu cầu vừa cơ bản, cấp bách, vừa thường xuyên của quá trình đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên, quần chúng.

Ba là: Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Đây là giải pháp mang tính đột phá, là động lực, mắt xích quan trọng trong quá trình gắn kết việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI với thực hiện đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Việc xác định đúng “nút thắt”, giải phóng những vướng mắc, hạn chế trong thực hiện việc học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh (Chỉ thị 03 - CT/TW) với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI là cơ sở quan trọng để tiếp tục thực hiện Chỉ thị 05 - CT/TW.

Bốn là: Đẩy mạnh xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến là động lực thúc đẩy toàn cơ quan, đơn vị, các cấp chính quyền địa phương, cán bộ, đảng viên, quần chúng thi đua rèn luyện theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trên mọi lĩnh vực. Để thực hiện việc nhân rộng điển hình tiên tiến có hiệu quả, cần làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về sự cần thiết phải xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho các đối tượng ở cơ quan, đơn vị, các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương. Mặt khác, tập trung xây dựng, hoàn thiện các tiêu chí điển hình tiên tiến, làm cơ sở để các tập thể, cá nhân phấn đấu, bình xét, khen thưởng. Việc làm này phải được tiến hành công khai; dân chủ, các tập thể, cá nhân được biểu dương, khen thưởng phải là những tấm gương thực sự tiêu biểu.

Năm là: Đẩy mạnh tính tự giác học tập và tu dưỡng, rèn luyện đạo đức theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh của cán bộ, đảng viên, quần chúng

Để phát huy tính tự giác của cán bộ, đảng viên, quần chúng thì những chuyên đề giáo dục cần có sự đổi mới cả về hình thức và cách tiếp cận, phải đi vào thực chất, khắc phục bệnh hình thức, chung chung. Trong phát huy vai trò tự giáo dục, tự rèn luyện tư tưởng, đạo đức, phong cách của cán bộ, đảng viên, quần chúng cần hết sức coi trọng việc phát huy tính tự giác, tích cực đấu tranh với cái xấu. Mỗi cán bộ, đảng viên, quần chúng luôn tự đấu tranh với chính mình để không bị ảnh hưởng của những mặt xấu tồn tại trong xã hội tác động.

Sáu là: Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của tổ chức đảng, phát huy vai trò giám sát của tổ chức quần chúng trong thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Kiểm tra, giám sát là khâu quan trọng trong toàn bộ quy trình thực hiện việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Thực tiễn cho thấy cơ quan, đơn vị,

địa phương nào phát huy tốt vai trò của các tổ chức quần chúng tham gia giám sát các mặt hoạt động của cán bộ, đảng viên thì ở đó, vai trò của đội ngũ lãnh đạo, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, chính quyền địa phương được tăng cường; những biểu hiện vi phạm kỷ luật của cán bộ, đảng viên được phát hiện, ngăn chặn kịp thời; niềm tin của quần chúng nhân dân được củng cố; uy tín của cán bộ, đảng viên được nâng cao. Ngược lại, cơ quan, đơn vị, địa phương nào việc kiểm tra, giám sát làm qua loa, chiếu lệ, thiếu phương pháp, thì cơ quan, đơn vị, địa phương đó tất yếu sẽ yếu kém. Công tác kiểm tra, giám sát phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, không cứng nhắc và nặng nề hành chính hóa để tránh tình trạng đối phó, phô trương, không thực chất. Kiểm tra, giám sát phải trong tất cả các khâu, các bước, các hoạt động công tác, thực hiện kiểm tra để kịp thời phát hiện, uốn nắn những hạn chế, yếu kém, nhất là những yếu kém trong nhận thức của cán bộ, đảng viên, quần chúng.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh? Làm rõ vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam?
2. Phân tích cơ sở và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh? Qua đó rút ra bài học cho bản thân?
3. Phân tích một số nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh? Liên hệ thực tiễn cách mạng hiện nay?
4. Trình bày sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh? Liên hệ bản thân?
5. Trình bày những nội dung về phẩm chất đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh. Nội dung nào anh (chị) cảm thấy tâm đắc nhất?
6. Anh (chị) hãy cho biết những việc làm cụ thể của bản thân để góp phần thực hiện chỉ thị 05- CT/TW của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”?

Bài 3:
NHỮNG THÀNH TỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM
DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

1. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam

1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

1.1.1 Bối cảnh lịch sử trong nước và quốc tế cho sự ra đời của Đảng

a) Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

- *Sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản và hậu quả của nó*

+ Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX chủ nghĩa tư bản đã chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa và tăng cường chính sách xâm lược, áp bức bóc lột nhân dân lao động trong nước và các dân tộc thuộc địa.

+ Hậu quả chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc là sự thống trị tàn bạo của Chủ nghĩa đế quốc đã làm cho đời sống nhân dân lao động ở các nước thuộc địa trở nên cùng cực. Mâu thuẫn vốn có đã trở nên gay gắt hơn

- *Ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác- Lênin*

Tư tưởng về Đảng Cộng sản của chủ nghĩa Mác – Lênin đã có ảnh hưởng to lớn, trực tiếp đến phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và sự hình thành các tổ chức cộng sản quốc tế như: quốc tế I (1864 – 1872), quốc tế II (1889 – 1914), quốc tế III (1919); đồng thời là một trong những cơ sở dẫn tới sự ra đời của các đảng cộng sản ở nhiều nước trên thế giới.

- *Cách mạng Tháng Mười Nga*

Cuộc cách mạng vô sản đầu tiên nổ ra và giành thắng lợi tại Nga năm 1917. Thắng lợi của cuộc cách mạng tháng Mười đã cổ vũ phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên thế giới, đặc biệt là nhân dân các nước thuộc địa dẫn tới sự ra đời của hàng loạt các đảng cộng sản.

b) Hoàn cảnh trong nước

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Triều đình nhà Nguyễn đã đầu hàng ký Hiệp ước Patenôt dâng nước ta cho giặc. Việt Nam từ quốc gia phong kiến độc lập trở thành nước thuộc địa nửa phong kiến. Nhân dân Việt Nam rơi vào thân phận nô lệ lầm than. Các chương trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp (Lần I từ 1897 - 1914 và lần II từ 1919 - 1929) làm cho tình hình phân hoá giai cấp ở Việt Nam trở nên gay gắt.

- *Tình hình giai cấp và mâu thuẫn cơ bản trong xã hội:*

+ Dưới tác động của chính sách cai trị của thực dân Pháp về kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội Việt Nam đã diễn ra quá trình phân hóa giai cấp sâu sắc. Ngoài hai giai cấp cũ (địa chủ và nông dân), xuất hiện thêm các giai cấp mới (công nhân, tư sản, tiểu tư sản), hình thành một cơ cấu 5 giai cấp có quan hệ với nhau. Mỗi giai cấp có vị trí kinh tế, địa vị xã hội, và thái độ chính trị khác nhau.

+ Mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam: Mâu thuẫn cơ bản giữa nhân dân, chủ yếu là nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến và mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược.

- Ở khắp mọi nơi, các giai cấp, tầng lớp trong xã hội đều đứng lên đấu tranh với mục tiêu đánh đuổi thực dân Pháp và xây dựng lại đất nước theo quan điểm lập trường của giai cấp mình:

- *Phong trào Cần Vương (1885- 1897):* Đứng trên lập trường của giai cấp địa chủ phong kiến phải kể đến phong trào Cần Vương do Tôn Thất Thuyết lãnh đạo kêu gọi tinh thần yêu nước trong nhân dân đánh đuổi thực dân Pháp, phò tá vua Hàm Nghi khôi phục lại triều đại phong kiến. Năm 1897, phong trào thất bại chấm dứt vai trò lãnh đạo cách mạng của các sĩ phu yêu nước.

- *Phong trào nông dân Yên Thế (1884- 1913):* Khởi nghĩa Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo gây cho Pháp nhiều tổn thất. Đây là phong trào đấu tranh lớn nhất của nông dân trong những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Sự tồn tại, bền bỉ của phong trào đã nói lên tiềm năng, ý chí và sức mạnh to lớn của nông dân.

+ *Phong trào đấu tranh theo khuynh hướng dân chủ tư sản* diễn ra khá sôi nổi do ảnh hưởng của tình hình thế giới đặc biệt là cách mạng Tân Hợi năm 1911 của Trung Quốc: Phong trào Đông Du của Phan Bội Châu, phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục do Lương Văn Can lãnh đạo, Duy Tân của Phan Chu Trinh, Việt Nam Quốc dân Đảng (12/1927) do Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Thái Học lãnh đạo.

Phong trào yêu nước của tầng lớp tiểu tư sản: Đấu tranh đòi thả cụ Phan Chu Trinh và đề tang cụ Phan Bội Châu, đòi thả nhà yêu nước Nguyễn An Ninh.

Tóm lại: Các phong trào yêu nước Việt Nam chống Pháp cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã nêu cao khí phách của toàn dân tộc nhưng đều thất bại. Nguyên nhân dẫn đến thất bại vì chưa có đường lối chính trị đúng đắn, lực lượng lãnh đạo tiến bộ chưa phát huy sức mạnh đoàn kết dân tộc... Cách mạng Việt Nam lâm vào cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước

1.1.2 Quá trình ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam

a) Quá trình Nguyễn Ái Quốc tìm đường cứu nước (1911- 1920)

- Ngày 5-6-1911, Nguyễn Tất Thành đã rời Tổ quốc sang phương Tây tìm đường cứu nước.

- Năm 1917, cách mạng Tháng Mười Nga thành công, Nguyễn Tất Thành đã hướng theo con đường cách mạng Tháng Mười và chịu ảnh hưởng của cuộc cách mạng vĩ đại đó

- Tháng 7/1920, Người đọc bản “Sơ thảo lần thứ nhất Luận cương về những vấn đề dân tộc và thuộc địa” của Lênin. Người đã tìm thấy con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam là *con đường cách mạng vô sản*. Từ đây, Người tích cực chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản.

b) Quá trình Nguyễn Ái Quốc truyền bá chủ nghĩa Mác- Lênin và chuẩn bị thành lập Đảng (1921- 1930)

- 1921- 1923: Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Đảng Cộng Sản Pháp, tham gia Đại hội I, Đại hội II của Đảng cộng sản Pháp; thành lập hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa nhằm thức tỉnh dân tộc, tố cáo chủ nghĩa thực dân, kêu gọi đoàn kết đấu tranh cách mạng trong nhân dân thuộc địa.

- 1923- 1924: Người hoạt động tại Liên Xô. Tại đây Người đã tìm hiểu về kinh tế, chính trị, xã hội của nước Nga xô viết.

- Tháng 6/1925, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được thành lập để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin tạo sự chuyển biến về chất trong phong trào cách mạng Việt Nam.

c) Sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam

- Đến cuối năm 1929, trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên không còn thích hợp để lãnh đạo phong trào. Xu thế phải thành lập một Đảng cộng sản trở thành yêu cầu khách quan. Điều này đã tác động mạnh mẽ đến các tổ chức tiền cộng sản, dẫn đến sự phân hóa tích cực trong các tổ chức này, hình thành nên các tổ chức cộng sản ở Việt Nam: Đông Dương Cộng sản Đảng (6/1929), An Nam Cộng sản Đảng (8/1929), Đông Dương Cộng sản Liên đoàn (9/1929).

- Ba tổ chức cộng sản trên đây hoạt động phân tán, chia rẽ ảnh hưởng xấu đến phong trào cách mạng Việt Nam lúc này. Trước tình hình đó, từ ngày 6/1/1930 đến ngày 7/2/1930 Nguyễn Ái Quốc đã chủ trì hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản để thành lập Đảng cộng sản Việt Nam tại bán đảo Cửu Long, Hương Cảng, Trung Quốc và ngày 3/2/1930 được xem là ngày thành lập Đảng.

1.1.3 Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng

Đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời là sự kết hợp của 3 nhân tố: Chủ nghĩa Mác - Lênin, phong trào công nhân, phong trào yêu nước

Là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp của công nhân Việt Nam và hệ tư tưởng Mác –Lênin đối với cách mạng Việt Nam.

Chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối cứu nước, từ đây cách mạng Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam.

1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng

Đảng Cộng sản Việt Nam – Người tổ chức và lãnh đạo mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Vai trò lãnh đạo của Đảng thể hiện ở từng giai đoạn cách mạng cụ thể:

- *Giai đoạn cách mạng giải phóng dân tộc*

+ Mục đích của cách mạng giải phóng dân tộc là đánh đổ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc và thiết lập chính quyền của nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân giành được thắng lợi này chính nhờ đường lối đúng đắn, phù hợp với yêu cầu của lịch sử.

+ Trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định về con đường cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi triệt để phải đi theo con đường cách mạng vô sản. Thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945 trước hết là thắng lợi của đường lối cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- *Vai trò của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng, phát triển đất nước*

Trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam có khả năng to lớn để lãnh đạo nhân dân xây dựng xã hội mới vì con đường cách mạng do Đảng lãnh đạo phù hợp với thời đại và quy luật phát triển của xã hội. Đảng không có mục đích tự thân. Ngoài lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động, lợi ích của toàn dân tộc Việt Nam, lợi ích của nhân dân tiến bộ trên thế giới, Đảng không có lợi ích nào khác.

2. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng

2.1. Thành tựu của cuộc đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc

- *Thành tựu của cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945*

+ Vừa mới ra đời, Đảng đã phát động một phong trào cách mạng rộng lớn mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh. Phong trào này đã được Quốc tế Cộng sản đánh giá cao đóng góp của phong trào cách mạng Việt Nam đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, công nhận Đảng ta là một phân bộ trực thuộc Quốc tế Cộng sản.

+ Phong trào đấu tranh những năm 1936- 1939 đã làm cho ảnh hưởng của Đảng ăn sâu, lan rộng trong quảng đại quần chúng. Đảng đã biết kết hợp các hình thức đấu tranh công khai hợp pháp với các hình thức bất hợp pháp, bí mật trong cuộc đấu tranh ở một nước thuộc địa. Qua phong trào, sự giác ngộ chính trị của quần chúng được nâng cao.

+ Từ năm 1939, khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Đảng ta đã có những nhận định sáng suốt về tình hình thế giới và xu hướng phát triển của cách mạng Đông Dương và có sự chuẩn bị chu đáo trong cuộc vận động giải phóng dân tộc những năm 1939- 1945; nắm bắt thời cơ lịch sử một cách chuẩn xác và kịp thời khi Nhật đã đầu hàng quân Đồng minh, Đảng đã phát động, tổ chức thắng lợi cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.

+ Ngày 2- 9- 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, lập nên nhà nước của dân, do dân và vì dân.

+ *Ý nghĩa*: Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc.

Thắng lợi của cách mạng tháng Tám đã đập tan xiềng xích nô lệ của chủ nghĩa đế quốc trong gần một thế kỷ, chấm dứt sự tồn tại của chế độ quân chủ chuyên chế suốt mấy ngàn năm và ách thống trị của phát xít Nhật.

Ra đời nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người tự do, người làm chủ vận mệnh của mình.

Đưa dân tộc Việt Nam vào kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.

Đặt trong bối cảnh thế giới năm 1945, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới; tăng cường lực lượng, mở rộng địa bàn cho cách mạng thế giới; chứng minh học thuyết Mác- Lênin có thể áp dụng thành công vào cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa nếu biết vận dụng một cách đúng đắn, sáng tạo.

- *Thành tựu của cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng (1945 – 1946)*

Ngay khi vừa mới ra đời, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã phải đối mặt với ba thứ giặc: giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm.

+ Nạn đói hoành hành đầu năm 1945 đã làm chết hơn hai triệu người ở miền Bắc. Trên 95% dân Việt Nam mù chữ.

+ Ở miền Bắc, hơn 20 vạn quân Tưởng đã tràn vào với mưu đồ “diệt cộng, cầm Hồ”. Ở miền Nam, hơn 15 vạn quân Pháp với sự giúp đỡ của liên quân Anh - Ấn lăm le xâm lược nước ta. Trong khi đó, lực lượng mọi mặt của Nhà nước ta còn rất non yếu; vận mệnh của đất nước trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.

Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã kịp thời đề ra những chủ trương và quyết sách đúng đắn, toàn diện trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng. Với đường lối chính trị sáng suốt, vừa cứng rắn về nguyên tắc, vừa mềm dẻo về sách lược, Đảng ta đã lãnh đạo cách mạng vượt qua muôn vàn khó khăn, nguy hiểm vượt qua tình thế hiểm nghèo, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp.

- *Thành tựu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946- 1954)*

+ Khi thực dân Pháp lần tới có dã tâm cướp nước ta một lần nữa, với đường lối *kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính, vừa kháng chiến, vừa kiến quốc*, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta vượt qua mọi khó khăn, giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, đánh dấu bằng chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954.

+ *Ý nghĩa* thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Lần đầu tiên trong lịch sử một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới”¹⁰.

Đối với nước ta, thắng lợi này đã làm sụp đổ hoàn toàn ý chí xâm lược của thực dân Pháp đối với Việt Nam; bảo vệ được độc lập, chủ quyền dân tộc, giữ vững được chính quyền dân chủ nhân dân; giải phóng được một nửa đất nước là miền Bắc, tạo điều kiện đưa miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội, trở thành căn cứ địa, hậu phương của cả nước để giải phóng miền Nam trong giai đoạn sau; tăng thêm sức mạnh vật chất, tinh thần cho cách mạng Việt Nam; nâng cao uy tín cho dân tộc và cho Đảng trên trường quốc tế; để lại nhiều kinh nghiệm cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Đối với quốc tế, thắng lợi này đã buộc thực dân Pháp phải chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Đông Dương trên cơ sở tôn trọng quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, Lào và Campuchia; nhân dân Việt Nam trở thành người đi tiên phong trong việc làm tan rã chủ nghĩa thực dân cũ, cổ vũ mạnh mẽ cuộc đấu tranh của nhân dân các dân tộc bị áp bức chống chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc; miền Bắc được hoàn toàn giải phóng đã góp phần tăng cường lực lượng và địa bàn cho chủ nghĩa xã hội.

- *Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)*

+ Trong những năm 1954- 1975, đế quốc Mỹ phá hoại Hiệp định Giơnevơ, đưa cố vấn quân sự rồi quân viễn chinh xâm lược miền Nam, đánh phá miền Bắc thì cách mạng Việt Nam bước vào thời kỳ mới với đặc điểm là đất nước tạm thời chia làm hai miền với hai chế độ

¹⁰ Hồ Chí Minh Toàn tập, Tập 10, Nxb Chính trị Quốc gia.H, 1996, tr.12

chính trị - xã hội khác nhau. Đảng xác định con đường phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam là tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược:

Một là, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, xây dựng miền Bắc thành căn cứ địa vững mạnh của cách mạng cả nước.

Hai là, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà.

Tuy mỗi miền thực hiện một nhiệm vụ chiến lược khác nhau nhưng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Trong đó, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc giữ vai trò quyết định nhất đối với toàn bộ sự phát triển của cách mạng Việt Nam. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam giữ vị trí quan trọng, có tác dụng trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

+ Trải qua 21 năm chiến đấu kiên cường, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ hy sinh, được sự đồng tình ủng hộ của các lực lượng tiến bộ trên thế giới, đã lần lượt đánh thắng các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ ở miền Nam và chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân ở miền Bắc. Bằng cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 với thắng lợi của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, nhân dân ta đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

+ Ý nghĩa:

Đánh giá tầm vóc vĩ đại và ý nghĩa lớn lao của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Nghị quyết Đại hội IV của Đảng viết: “Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”¹¹.

Đối với thế giới, thắng lợi này đã góp phần quan trọng làm đảo lộn chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ, tác động sâu sắc đến nội tình nước Mỹ; cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc dân chủ của nhân dân thế giới; mở rộng địa bàn và tăng thêm lực lượng cho chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới.

¹¹ Đảng cộng sản Việt Nam, báo cáo Chính trị của BCHƯ Đảng tạ Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nxb Sự thật, H.1997, tr 5, 6

2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới

Sau thắng lợi vĩ đại mùa xuân năm 1975, cả nước ta bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh có những thuận lợi to lớn, song cũng gặp nhiều khó khăn nghiêm trọng.

- *Khó khăn*

+ Quá độ lên chủ nghĩa xã hội xuất phát từ một nước nông nghiệp lạc hậu, kinh tế chậm phát triển, cơ sở vật chất- kỹ thuật nhỏ bé, manh mún, hậu quả chiến tranh nặng nề

+ Bị Mỹ phong tỏa cấm vận, tình hình quốc tế có những diễn biến bất lợi, phải đương đầu với cuộc chiến tranh ở hai đầu biên giới phía tây nam, phía bắc, đòi hỏi công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta phải trải qua nhiều bước đi cụ thể thích hợp.

- *Thuận lợi*

+ Năm 1986 Đảng đã tìm tòi đề ra đường lối đổi mới đưa đất nước vượt qua khủng hoảng kinh tế - xã hội, giành được những thành tựu to lớn, toàn diện.

+ Thắng lợi bước đầu của ba mươi năm đổi mới có ý nghĩa hết sức quan trọng. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng khẳng định những thành tựu to lớn đạt được:

- Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Kinh tế tăng trưởng khá, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước hình thành, phát triển.

- Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được tăng cường.
- Văn hóa - xã hội có bước phát triển; bộ mặt đất nước và đời sống của nhân dân có nhiều thay đổi.

- Dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng. Đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường.

- Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền và cả hệ thống chính trị được đẩy mạnh. Sức mạnh về mọi mặt của đất nước được nâng lên; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa.

- Quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu; vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao.

Những thành tựu đó tạo tiền đề, nền tảng quan trọng để nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ trong những năm tới; khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử.

Tóm lại, với những thắng lợi đã giành được trong thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI, Việt Nam từ một nước thuộc địa trở thành một quốc gia độc lập tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Đất nước ta từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu đã bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Những thắng lợi đó là minh chứng sinh động về năng lực lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta, sức mạnh to lớn của nhân dân ta.

CÂU HỎI ÔN TẬP:

1. Trình bày hoàn cảnh lịch sử và phân tích các yếu tố góp phần để lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tiếp thu được chủ nghĩa Mác - Lênin và tìm cho cách mạng Việt Nam một con đường đúng đắn?
2. Phân tích và chứng minh rằng: Con đường cứu nước của Việt Nam do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc lựa chọn phù hợp với yêu cầu phát triển của lịch sử cách mạng Việt Nam?
3. Trình bày những yếu tố hình thành Đảng Cộng sản Việt Nam và ý nghĩa của việc Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời?
4. Vì sao Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một tất yếu lịch sử?
5. Phân tích những thắng lợi vĩ đại của của Cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Qua đó rút ra những truyền thống quý báu của Đảng.
6. Vì sao sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu đảm bảo mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Bài 4:
ĐẶC TRƯNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Chủ nghĩa xã hội là mục tiêu và lý tưởng của toàn Đảng và toàn dân ta. Từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo toàn dân đấu tranh giành độc lập, thống nhất đất nước, dựng nên nhà nước dân chủ cộng hòa, tiến hành công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhằm thực hiện lý tưởng cao đẹp của toàn Đảng, toàn dân: xây dựng Việt Nam thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh.

Tư tưởng về chủ nghĩa xã hội do các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin vạch ra đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta vận dụng sáng tạo vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI đã điều chỉnh, chuẩn hóa một số nội dung và cô đọng hóa một số đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

1.1. Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

- Đây là đặc trưng tổng quát nhất, chi phối các đặc trưng khác bởi nó thể hiện mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh là những giá trị xã hội tốt đẹp nhất, là nguyện vọng, mơ ước của nhân dân tiến bộ trên thế giới, là cái đích của xã hội loài người nói chung. Vì vậy, đây là đặc trưng thể hiện sự khác nhau căn bản, sự tiến bộ hơn hẳn của chế độ xã hội chủ nghĩa so với các chế độ xã hội trước đó.

- Dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh là những mục tiêu không tách rời nhau, bổ sung cho nhau, mục tiêu này làm cơ sở, điều kiện, tiền đề cho mục tiêu kia.

1.2. Do nhân dân làm chủ

- Xã hội xã hội chủ nghĩa mà Đảng và nhân dân ta xây dựng “do nhân dân làm chủ” là đặc trưng quan trọng và quyết định nhất trong những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa. Nhân dân lao động làm chủ được bảo đảm trên thực tế, trong mọi mặt đời sống xã hội.

- Nhà nước ta là Nhà nước của Dân, do Dân và vì Dân: Dân là người chủ đất nước, Nhà nước là công cụ quản lý đất nước của Dân, mọi quyền lực Nhà nước đều ở nơi Dân, mọi tài sản của Nhà nước đều là của Dân. Đó là bản chất chính trị, bản chất nhân dân cực kỳ quan trọng của Nhà nước ta.

1.3. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp.

- Lực lượng sản xuất hiện đại là nền đại công nghiệp phát triển trên cơ sở khoa học - công nghệ. Lực lượng sản xuất hiện đại quyết định việc nâng cao năng suất của nền sản xuất - yếu tố quy định sự phát triển lên trình độ cao của phương thức sản xuất mới. Trên cơ sở đó thiết lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa tiên bộ phù hợp để thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

- Quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp là quan hệ sản xuất được xét trong chính thể trên cả ba mặt: quan hệ sở hữu, quan hệ quản lý, quan hệ phân phối và sự phù hợp không chỉ với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất mà còn với chế độ xã hội, với từng điều kiện lịch sử - cụ thể, với đặc thù dân tộc...

1.4. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

- Đặc trưng này thể hiện mặt đời sống tinh thần của chủ nghĩa xã hội. Nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc chính là mục tiêu của xã hội xã hội chủ nghĩa, đồng thời là động lực và sức mạnh thúc đẩy xã hội đó phát triển.

- Bản chất xã hội xã hội chủ nghĩa là tiên bộ, khoa học và nhân văn. Cho nên, chủ nghĩa xã hội đồng chất và cùng chiều với văn hóa; phấn đấu cho những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội cũng chính là phấn đấu cho những giá trị văn hóa - xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội văn hóa cao.

1.5. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện

- Mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, quá trình phấn đấu đạt tới những giá trị của xã hội xã hội chủ nghĩa đều là vì con người, con người là trung tâm của chiến lược phát triển và là chủ thể phát triển.

- Xã hội xã hội chủ nghĩa phải đem lại ấm no cho con người như là đòi hỏi tiên quyết. Con người phải được tự do - tự do không chỉ bó hẹp trong nghĩa được giải phóng khỏi áp bức bóc lột, nô dịch, kìm hãm về mặt xã hội mà quan trọng hơn là con người có thể thực hiện những khát vọng cao đẹp của mình. Xã hội xã hội chủ nghĩa chính là nơi: sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người.

1.6. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển

Xã hội chủ nghĩa là bảo đảm bình đẳng không chỉ cho cá nhân người công dân, mà còn ở cấp độ cho tất cả các cộng đồng, các dân tộc trong một quốc gia.

- Bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển là một giá trị đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa. “Bình đẳng” và “đoàn kết” chính là nền tảng của sự “tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển”. Tôn trọng và giúp nhau không chỉ là tình thương, lòng nhân đạo, mà thực sự là đòi hỏi, yêu cầu, trách nhiệm và điều kiện thiết yếu cho sự phát triển của từng cá nhân, cộng đồng, dân tộc; là một tiêu chuẩn quan trọng của xã hội phát triển. Đoàn kết toàn dân, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa các dân tộc đã làm nên thành công của cách mạng Việt Nam.

1.7. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo

- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là nhà nước quản lý và điều hành đất nước và xã hội bằng pháp luật thể hiện quyền lợi và ý chí của nhân dân; vì vậy, là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

- Đây là nhà nước mà tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân với nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

- Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản - đảng mang bản chất, nội dung, thực hiện mục tiêu và lý tưởng xã hội chủ nghĩa.

1.8. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới

- Quan hệ hữu nghị và hợp tác chính là thể hiện bản chất hòa hảo, thiện chí và tạo điều kiện cho các quốc gia hội nhập, tiếp thu những thành quả phát triển của mỗi bên, tích lũy kinh nghiệm và rút ngắn quá trình phát triển của mỗi nước.

- Đây là một đặc trưng nổi bật của nội dung và mục tiêu xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Và chính nó là yếu tố, điều kiện để Việt Nam phát triển nhanh chóng trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

2. Phương hướng xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2.1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm phấn đấu sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Muốn đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa một cách bền vững và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng không còn con đường nào khác hơn con đường phát triển mạnh kinh tế tri thức, chăm lo phát triển văn hóa và con người, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế tạo ra thế và lực để chủ động hội nhập kinh tế thế giới.

- Bảo vệ môi trường là yêu cầu sống còn của nhân loại; Chiến lược bảo vệ môi trường là bộ phận cấu thành không tách rời của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Chiến lược phát triển bền vững; bảo vệ môi trường hướng tới mục tiêu phát triển bền vững nhằm đáp ứng nhu cầu của các thế hệ hiện tại nhưng vẫn giữ được tiềm năng và cơ hội cho các thế hệ mai sau; đầu tư cho bảo vệ môi trường là đầu tư cho phát triển bền vững. Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của toàn xã hội, là nghĩa vụ của mọi người dân.

2.2. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

- Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xác định là mô hình kinh tế tổng quát trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Mô hình đó đòi hỏi phải:

Phát triển các thành phần kinh tế; các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hoá, y tế, giáo dục..., giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

Phát huy quyền làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản.

2.3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

- Đại hội XII của Đảng đề ra nhiệm vụ: Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.

- Mục tiêu của phương hướng này là nhằm quản lý xã hội, phát triển xã hội trong sự hài hòa các quan hệ xã hội, ngăn chặn, giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc, không để xảy ra xung đột xã hội tạo điều kiện thuận lợi cho đất nước phát triển. Muốn vậy, phải thực hiện tốt hai nhiệm vụ lớn:

Một là, giải quyết tốt lao động, việc làm và thu nhập cho người lao động, bảo đảm an sinh xã hội.

Hai là, coi trọng chăm sóc sức khỏe nhân dân, công tác dân số kế hoạch hóa gia đình cải thiện tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; xây dựng gia đình hạnh phúc.

2.4. Đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội

- Mục tiêu của phương hướng này là phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Đẩy mạnh tuyên truyền trách nhiệm và nghĩa vụ của công dân về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Đồng thời, thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn. Đẩy mạnh phòng, chống, đẩy lùi tội phạm, tệ nạn xã hội. Tăng cường an ninh, an toàn thông tin mạng. Bảo đảm trật tự, an toàn và giảm tai nạn giao thông.

2.5. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế

- Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi. Đưa quan hệ với các đối tác đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả. Tăng cường hợp tác quốc tế và khu vực trong bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia. Kiên trì thúc đẩy giải quyết các tranh chấp trên biển bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế và nguyên tắc ứng xử của khu vực.

- Triển khai đồng bộ hoạt động đối ngoại, cả về chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, văn hóa, xã hội. Thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế và chủ động, tích cực đàm phán, ký kết các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; khai thác tối đa các cơ hội thuận lợi, hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực để mở rộng thị trường, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài cho phát triển. Nâng cao năng lực giải quyết các tranh chấp đầu tư, thương mại quốc tế.

- Nâng cao chất lượng công tác tham mưu về đối ngoại và hội nhập quốc tế. Tăng cường công tác thông tin đối ngoại, hội nhập quốc tế, tạo đồng thuận trong nước và tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè quốc tế đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ đất nước.

2.6. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất

- Thể chế hóa và nâng cao chất lượng các hình thức thực hiện dân chủ trực tiếp và gián tiếp; thể chế hóa và thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”;

bảo đảm phát huy dân chủ trong Đảng là hạt nhân để phát huy đầy đủ dân chủ trong xã hội; phát huy dân chủ đi liền với tăng cường pháp chế, đề cao trách nhiệm công dân, giữ vững kỷ cương, kỷ luật và đạo đức xã hội.

- Đại hội XII của Đảng coi đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng nước ta, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2.7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

- Đại hội XII coi việc tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị.

- Hoàn thiện thể chế, chức năng, nhiệm vụ, phương thức và cơ chế vận hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. Đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước

- Hoàn thiện tổ chức và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước: Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ. Đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp, xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, từng bước hiện đại. Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước của mỗi cấp chính quyền địa phương

2.8. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

- Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp cách mạng nước ta. Trong điều kiện hiện nay, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng là “nhiệm vụ then chốt”, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn phải được coi là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng.

- Đại hội XII nhấn mạnh xây dựng Đảng về đạo đức, đặt nhiệm vụ tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh lên hàng đầu. Tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị. Kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tăng cường quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân. Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Tại sao nói VN lựa chọn con đường quá độ lên CNXH là một tất yếu lịch sử ?
2. Tại sao độc lập dân tộc gắn liền với CNXH là con đường phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam trong thời đại ngày nay.
3. Trình bày Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
4. Trình bày Phương hướng xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Bài 5:

PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

1. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

1.1. Quan điểm, chủ trương phát triển kinh tế, xã hội của Đảng

1.1.1. Định hướng đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế

Mô hình tăng trưởng trong thời gian tới kết hợp có hiệu quả phát triển chiều rộng với chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh trên cơ sở nâng cao năng suất lao động, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, đổi mới và sáng tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy lợi thế so sánh và chủ động hội nhập quốc tế, phát triển nhanh và bền vững.

Đổi mới mô hình tăng trưởng chuyển mạnh từ chủ yếu dựa vào xuất khẩu và vốn đầu tư sang phát triển đồng thời dựa cả vào vốn đầu tư, xuất khẩu và thị trường trong nước.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại đồng bộ, tổng thể nền kinh tế và các ngành, các lĩnh vực gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tập trung vào các lĩnh vực quan trọng.

Tiếp tục đẩy mạnh đột phá về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất, huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực.

1.1.2. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH), phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại

CNH, HĐH trong giai đoạn tới là tiếp tục đẩy mạnh thực hiện mô hình CNH, HĐH trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế gắn với phát triển kinh tế tri thức, lấy khoa học, công nghệ, tri thức và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực chủ yếu; huy động và phân bổ có hiệu quả mọi nguồn lực phát triển.

Xây dựng cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động hợp lý, phát huy lợi thế so sánh, có năng suất lao động và năng lực cạnh tranh cao, tham gia sâu rộng vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu; có văn minh công nghiệp chiếm ưu thế trong sản xuất và đời sống xã hội; phát triển nhanh và bền vững phù hợp với điều kiện của từng giai đoạn.

CNH, HĐH đất nước tiến hành qua ba bước trong 5 năm tới, tiếp tục đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, chú trọng CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, phát triển nhanh, bền vững; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

1.1.3. Phương hướng, mục tiêu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có đặc trưng sau:

- Quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất;
- Có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế;
- Các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật;
- Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất;
- Các nguồn lực nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp với cơ chế thị trường.
- Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh
- Sử dụng các công cụ, chính sách và các nguồn lực của Nhà nước để định hướng và điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và bảo vệ môi trường;
- Thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội.

Mục Tiêu: Đến năm 2020, phấn đấu cơ bản hoàn thiện đồng bộ hệ thống thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo các tiêu chuẩn phổ biến của nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; bảo đảm tính đồng bộ giữa thể chế kinh tế và thể chế

chính trị, giữa Nhà nước và thị trường; bảo đảm sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển con người, thực hiện tiên bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, phát triển xã hội bền vững; chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế gắn với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ; bảo đảm tính công khai, minh bạch, tính dự báo được thể hiện trong xây dựng và thực thi thể chế kinh tế, tạo điều kiện ổn định, thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

Phương hướng

Tiếp tục hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp

Thể chế hóa quyền tài sản bảo đảm công khai, minh bạch về nghĩa vụ và trách nhiệm trong thủ tục hành chính nhà nước, và dịch vụ công

Bảo đảm quyền quản lý, thu lợi của Nhà nước đối với tài sản công và quyền bình đẳng trong việc tiếp cận, sử dụng tài sản công của mọi chủ thể trong nền kinh tế.

Nâng cao năng lực của các thiết chế và hoàn thiện cơ chế giải quyết tranh chấp dân sự, tranh chấp kinh tế trong bảo vệ quyền tài sản.

Hoàn thiện thể chế bảo vệ nhà đầu tư, quyền sở hữu và quyền tài sản. Hoàn thiện pháp luật phá sản doanh nghiệp theo cơ chế thị trường.

Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại *doanh nghiệp nhà nước*

.Hoàn thiện thể chế định giá đất đai, tài sản hữu hình và tài sản vô hình (tài sản trí tuệ, thương hiệu, ...) trong cổ phần hóa theo nguyên tắc thị trường.

Tách chức năng chủ sở hữu tài sản, vốn của Nhà nước và chức năng quản lý nhà nước, chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước

Kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp nhà nước phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

Tăng cường quản lý, giám sát, kiểm tra, kiểm soát bảo đảm công khai, minh bạch về đầu tư, tài chính và các hoạt động của doanh nghiệp nhà nước.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo thuận lợi phát triển mạnh *kinh tế tư nhân* ở hầu hết các ngành và lĩnh vực kinh tế, trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp. Khuyến khích hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân đa sở hữu và tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước.

Nâng cao hiệu quả thu hút *đầu tư trực tiếp của nước ngoài*, chú trọng chuyển giao công nghệ, trình độ quản lý tiên tiến và thị trường tiêu thụ sản phẩm

Phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường

Thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường; bảo đảm tính đúng, tính đủ và công khai, minh bạch các yếu tố hình thành giá đối với hàng hoá, dịch vụ công thiết yếu; đồng thời có chính sách hỗ trợ phù hợp cho đối tượng chính sách, người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số.

Không lồng ghép các chính sách xã hội trong giá. Hoàn thiện pháp luật về phí, lệ phí; rà soát, chuyển đổi chính sách phí, lệ phí đối với một số dịch vụ công sang áp dụng chế độ giá dịch vụ.

Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, kiên quyết đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại; phát huy đầy đủ, đúng đắn vai trò của người tiêu dùng, các hội bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong nền kinh tế.

Tiếp tục phát triển đồng bộ và vận hành thông suốt các loại thị trường. Thực hiện đa dạng hóa *thị trường hàng hóa, dịch vụ*, Cơ cấu lại *thị trường tài chính*, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách để *thị trường bất động sản*, hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển đồng bộ, liên thông *thị trường lao động*, tiếp tục đổi mới, phát triển mạnh mẽ và đồng bộ *thị trường khoa học - công nghệ*, phát triển các thị trường mua bán nợ, công cụ tài chính phái sinh, cho thuê tài sản, ... Nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường tiền tệ; mở cửa thị trường tín dụng...

Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế

Chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ kinh tế quốc tế, tránh lệ thuộc vào một thị trường, một đối tác cụ thể; kết hợp hiệu quả ngoại lực và nội lực, gắn hội nhập kinh tế quốc tế với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm thực thi có hiệu quả các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết.

Hoàn thiện thể chế để tận dụng cơ hội và phòng ngừa, giảm thiểu các thách thức do tranh chấp quốc tế, nhất là tranh chấp thương mại, đầu tư quốc tế.

Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước về kinh tế - xã hội và phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội

Nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của Đảng; tăng cường lãnh đạo việc thể chế hoá và việc tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương

của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về kinh tế - xã hội; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết thực hiện đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng.

Nhà nước thể chế hóa nghị quyết của Đảng, xây dựng, tổ chức thực hiện pháp luật, chính sách, bảo đảm các loại thị trường ngày càng hoàn thiện và vận hành thông suốt, cạnh tranh công bằng, bình đẳng và kiểm soát độc quyền kinh doanh; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát huy vai trò làm chủ của nhân dân; bảo đảm quyền tự do, dân chủ trong hoạt động kinh tế của người dân theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và sự tham gia có hiệu quả của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng và giám sát việc thực hiện thể chế kinh tế và phát triển kinh tế - xã hội.

1.1.4. Quản lý phát triển xã hội

Xây dựng, thực hiện các chính sách phù hợp với các giai tầng xã hội; có các giải pháp quản lý hiệu quả để giải quyết hài hòa các quan hệ xã hội, ngăn chặn, giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc, những mâu thuẫn có thể dẫn đến xung đột xã hội.

Trong xây dựng và thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, quan tâm thích đáng đến các tầng lớp, bộ phận yếu thế trong xã hội, đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, khắc phục xu hướng gia tăng phân hóa giàu - nghèo, bảo đảm sự ổn định và phát triển xã hội bền vững.

Đẩy mạnh các giải pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội; giảm thiểu tai nạn giao thông; bảo đảm an toàn xã hội, an ninh con người.

Gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội, phát triển kinh tế với nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, bảo đảm để nhân dân được hưởng thụ ngày một tốt hơn thành quả của công cuộc đổi mới.

1.2. Quan điểm, chủ trương phát triển văn hóa, con người

Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện phải trở thành một mục tiêu của chiến lược phát triển. Tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức tôn trọng pháp luật, mọi người Việt Nam đều hiểu biết sâu sắc, tự hào, tôn vinh lịch sử, văn hóa dân tộc. Khẳng định, tôn

vinh cái đúng, cái tốt đẹp, tích cực, cao thượng; nhân rộng các giá trị cao đẹp, nhân văn. Đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, thấp hèn, lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa, làm tha hóa con người. Có giải pháp ngăn chặn và đẩy lùi sự xuống cấp về đạo đức xã hội, khắc phục những mặt hạn chế của con người Việt Nam.

Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Xây dựng môi trường văn hóa, đời sống văn hóa lành mạnh trong hệ thống chính trị, trong mỗi địa phương, trong từng cộng đồng làng, bản, khu phố, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, khu công nghiệp và mỗi gia đình, góp phần giáo dục, rèn luyện con người về nhân cách, đạo đức, lối sống. Thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam. Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Xây dựng môi trường học thật sự là một trung tâm văn hóa giáo dục, rèn luyện con người.

Xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế. Chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể; coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật, giữ chữ tín, cạnh tranh lành mạnh vì sự phát triển bền vững của đất nước, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa. Huy động sức mạnh của toàn xã hội nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc; khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu văn hóa dân tộc.

Làm tốt công tác lãnh đạo, quản lý báo chí, xuất bản. Các cơ quan truyền thông phải thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ, nâng cao tính tư tưởng, nhân văn và khoa học, đề cao trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, góp phần xây dựng văn hóa và con người Việt Nam..

Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường dịch vụ và sản phẩm văn hóa. Có cơ chế khuyến khích đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ văn hóa. Tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp văn hóa, văn nghệ, thể thao, du lịch thu hút các nguồn lực xã hội để phát triển.

Chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Chủ động mở rộng hợp tác văn hóa với các nước, thực hiện đa dạng các hình thức văn hóa đối ngoại, đưa các quan hệ quốc tế về văn hóa đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực; tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới,

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực văn hóa. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng vừa bảo đảm đề văn hóa, văn học - nghệ thuật, báo chí phát triển đúng định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng, vừa bảo đảm quyền tự do, dân chủ cá nhân.

Tập trung đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Đẩy nhanh việc thể chế hóa, cụ thể hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về văn hóa.

2. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội

2.1.1. Thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, phát huy vai trò của nền kinh tế nhà nước

Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần là giải phóng sức sản xuất của xã hội, nhằm huy động các nguồn lực phát triển kinh tế thị trường; đồng thời tạo môi trường cạnh tranh trong nền kinh tế và đó là động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững.

Đẩy mạnh đổi mới, sắp xếp và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. Cơ cấu lại ngành nghề kinh doanh của các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước, tập trung vào một số ngành và lĩnh vực then chốt của nền kinh tế

Phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức đa dạng, mà nòng cốt là hợp tác xã. Tạo điều kiện phát triển các trang trại ở nông thôn và hình thành hợp tác xã của các chủ trang trại.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển mạnh kinh tế tư nhân ở hầu hết các ngành lĩnh vực kinh tế theo quy hoạch và quy định của pháp luật.

Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các trang trại, hộ sản xuất kinh doanh; đặc biệt trong nông nghiệp, nông thôn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế.

Thu hút mạnh đầu tư trực tiếp của nước ngoài và các ngành lĩnh vực kinh tế nhất là lĩnh vực công nghệ cao phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế đất nước.

2.1.2. Phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường

Phải hình thành và phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường. Cụ thể:

Tạo môi trường (pháp lý, kinh tế - xã hội) để các yếu tố của thị trường phát triển lành mạnh, hiệu quả. Đổi mới và hoàn thiện thể chế về giá, cạnh tranh, kiểm soát độc quyền, giải quyết tranh chấp; xây dựng và thực hiện quy định về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với người tiêu dùng, đối với bảo vệ môi trường.

Phát triển đa dạng, đồng bộ và hiện đại các loại thị trường hàng hóa, dịch vụ, cả thị trường trong và ngoài nước (đặc biệt các thị trường lớn như: Mỹ, Châu Âu, Đông Á và một số thị trường truyền thống Nga và các nước Đông Âu cũ).

2.1.3. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối.

Trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển.

Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng ngày càng phát triển.

Các yếu tố thị trường được tạo lập đồng bộ, các loại thị trường từng bước được xây dựng, phát triển, vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa.

Quan hệ phân phối bảo đảm công bằng và tạo động lực cho phát triển; các nguồn lực được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

2.1.4. Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, năng lực và hiệu lực quản lý của nhà nước đối với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Vai trò lãnh đạo của Đảng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục đổi mới tư duy lý luận; đẩy mạnh công tác nghiên cứu tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, cung cấp những luận cứ khoa học, lý luận cho hoạch định, phát triển đường lối, chính sách của Đảng để thúc đẩy nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển.

Năng lực và hiệu lực quản lý của nhà nước sẽ quyết định đến định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường, hiệu quả khai thác và sử dụng các tiềm năng quốc gia.

Cải cách bộ máy và cơ chế điều tiết nền kinh tế của nhà nước như: Luật pháp; chính sách (tiền tệ, tài chính...) các công cụ khác (thuế, lãi suất, ...).

Tăng cường kiểm tra, kiểm soát để điều chỉnh kịp thời sự vận hành của nền kinh tế khi cần thiết.

Nâng cao vai trò của các cơ quan dân cử, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội – nghề nghiệp và của nhân dân trong phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước tiếp tục hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách tạo điều kiện để nhân dân và các tổ chức này tham gia có hiệu quả vào quá trình hoạch định, thực thi và giám sát việc thực hiện luật pháp, chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, ngăn ngừa, khắc phục những tác động tiêu cực của cơ chế thị trường.

2.1.5. Đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức và bảo vệ tài nguyên môi trường.

CNH, HĐH nền kinh tế quốc dân là tạo lập những tiền đề vật chất cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển.

Chuyển lao động thủ công thành lao động sử dụng máy móc, ứng dụng những thành tựu của khoa học và công nghệ, gắn với nền kinh tế tri thức ở các ngành các lĩnh vực trong nền kinh tế quốc dân trên cơ sở phát triển mạnh khoa học, công nghệ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; có chính sách khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp đẩy mạnh nghiên cứu và đổi mới công nghệ.

Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại trên cơ sở khai thác lợi thế của các vùng miền, các ngành, các lĩnh vực, đồng thời phải phù hợp với xu thế phát triển của thế giới.

Khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên, khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường, hạn chế tối đa xuất khẩu nguyên liệu thô. Cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của người dân trên cơ sở bảo vệ và xử lý môi trường, ngăn chặn căn bản tình trạng ô nhiễm.

2.1.6. Tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội

Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương đúng đắn để xử lý mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

Thứ nhất, mô hình phát triển kinh tế Việt Nam lựa chọn trong giai đoạn tới tiếp tục phải là mô hình “gắn kết hài hòa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; bảo vệ, cải thiện môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh”.

Thứ hai, hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chủ động hội nhập quốc tế; đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường để phát triển nhanh và bền vững.

Thứ ba, hoàn thiện chính sách phân phối. Chính sách phân phối và phân phối lại phải bảo đảm lợi ích của Nhà nước, người lao động và doanh nghiệp. Chú trọng phân phối lại qua phúc lợi xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực y tế, giáo dục. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu

theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội.

2.1.7. Mở rộng kinh tế đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế

Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế là tiền đề, điều kiện quan trọng để nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư, mở rộng thị trường trong và ngoài nước.

Khai thác hiệu quả các cơ chế hợp tác quốc tế, các nguồn lực bên ngoài như: vốn, khoa học – công nghệ, kinh nghiệm quản lý, tổ chức vận hành nền kinh tế thị trường hiện đại.

Nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Xây dựng và phát triển lợi thế quốc gia trong kinh tế đối ngoại thích nghi với sự thay đổi xu hướng phát triển của nền kinh tế thế giới.

Tìm kiếm và mở rộng các đối tác, đặc biệt là các đối tác chiến lược, đối tác lớn.

2.1.8. Thực hiện chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách; phát triển hài hoà đời sống vật chất và đời sống tinh thần, không ngừng nâng cao đời sống của mọi thành viên trong xã hội.

Tạo môi trường và điều kiện để mọi người lao động có việc làm và thu nhập tốt hơn. Có chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ tạo động lực để phát triển; điều tiết hợp lý thu nhập trong xã hội. Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá nghèo bền vững.

Xây dựng một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó các giai cấp, các tầng lớp dân cư đoàn kết, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi.

Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ kế tục xứng đáng sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc.

Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc cùng phát triển, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam..

Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân theo quy định của pháp luật.

2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

2.2.1. Xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ

Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, con người Việt Nam phát triển toàn diện. Nội dung cụ thể của giải pháp này là:

Xây dựng môi trường văn hóa, đạo đức lành mạnh; khắc phục những mặt hạn chế của con người Việt Nam; ngăn chặn sự xuống cấp về văn hóa, đạo đức.

Xây dựng các cơ chế, chính sách để gắn kết chặt chẽ xây dựng văn hóa và phát triển con người; phát triển văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội

Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ.

Làm cho văn hoá gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển.

Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao.

2.2.2. Kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống và cách mạng, bản sắc văn hóa dân tộc; chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, “Chúng ta có dịp tiếp xúc rộng rãi với những thành tựu văn hóa nhân loại, đồng thời giới thiệu với nhân dân các nước những giá trị tốt đẹp, độc đáo của văn hóa Việt Nam”.

Mở rộng giao lưu với bên ngoài phải có sự cân nhắc, lựa chọn để tiếp thu những yếu tố nhân văn, tiến bộ, phù hợp với điều kiện lịch sử, truyền thống văn hóa dân tộc, phù hợp với nền tảng tinh thần của chế độ xã hội chủ nghĩa.

Bảo vệ và phát huy bản sắc dân tộc là bảo vệ và phát huy “những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp nên qua lịch sử hàng nghìn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân- gia đình- làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống các hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo”.

Cần có cơ chế, chính sách để giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội.

2.2.3. Tăng cường sáng tạo, truyền bá, phổ biến những giá trị văn hóa thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ khoa học và cách mạng; làm cho những giá trị ấy thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, vào mỗi gia đình và mỗi con người, trở thành tâm lý và tập quán tiến bộ, văn minh.

Đảng khuyến khích và tạo điều kiện cho các nhà hoạt động văn hóa tìm tòi, sáng tạo; bảo đảm tự do sáng tạo, tự do dân chủ cá nhân đi đôi với nêu cao trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội của các nhà văn hóa đối với Tổ quốc, nhân dân và CNXH.

Đẩy mạnh xã hội hóa văn hóa. Huy động mọi tiềm lực xã hội cho sự nghiệp phát triển văn hóa, có kế hoạch, chính sách, cơ chế phù hợp

Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường dịch vụ và sản phẩm văn hóa. Có cơ chế khuyến khích đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ văn hóa.

Chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể; coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng và phát triển văn hóa và xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. “

2.2.4. Đấu tranh có hiệu quả chống các quan điểm, tư tưởng, sản phẩm văn hóa lạc hậu, độc hại, sai trái; sự phá hoại về tư tưởng- văn hóa của các thế lực thù địch; đề ra những giải pháp hữu hiệu để khắc phục những hạn chế, yếu kém nghiêm trọng, kéo dài trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong Đảng và trong xã hội.

Trong phát triển văn hóa, con người toàn diện và bền vững, chúng ta lấy “xây” làm chính, nhằm sáng tạo, vun đắp nên những giá trị văn hóa, con người mới, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Đồng thời “xây” phải đi đôi với “chống” những tư tưởng, hành vi, sản phẩm văn hóa lệch lạc, sai trái, lạc hậu, phản động.

2.2.5. Xây dựng nền văn hóa Việt Nam trong thời kỳ mới: Gắn kết văn hóa với chính trị và kinh tế

Cần phải làm cho văn hóa thấm vào mọi mặt của đời sống xã hội và vào từng con người; vào kinh tế với tư cách là văn hóa kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp; vào tổ chức, quản trị và điều hành đất nước; vào lĩnh vực chính trị với tư cách là văn hóa chính trị.

2.2.6. Tập trung xây dựng và phát triển con người Việt Nam, con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển.

Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân.

Kết hợp và phát huy đầy đủ vai trò của xã hội, gia đình, nhà trường, từng tập thể lao động, các đoàn thể và cộng đồng dân cư trong việc chăm lo xây dựng con người Việt Nam giàu lòng yêu nước, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khỏe, lao động giỏi; sống có văn hoá, nghĩa tình; có tinh thần quốc tế chân chính.

Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách. Đơn vị sản xuất, công tác, học tập, chiến đấu phải là môi trường rèn luyện phong cách làm việc có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất và hiệu quả cao, bồi đắp tình bạn, tình đồng chí, đồng đội, hình thành nhân cách con người và nền văn hoá Việt Nam.

Xây dựng và phát huy lối sống “Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người”; hình thành lối sống có ý thức tự trọng, tự chủ, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ môi trường; kết hợp hài hòa tính tích cực cá nhân và tính tích cực xã hội; đề cao trách nhiệm cá nhân đối với bản thân, gia đình và xã hội. Khẳng định, tôn vinh cái đúng, cái tốt đẹp, tích cực, cao thượng; nhân rộng các giá trị cao đẹp, nhân văn.

Phát huy vai trò của đội ngũ trí thức, các nhà hoạt động văn hóa vào việc phát triển văn hóa và con người Việt Nam... làm cho văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày quan điểm, chủ trương phát triển kinh tế, xã hội của Đảng
2. Trình bày quan điểm, chủ trương phát triển văn hóa, con người
3. Trình bày giải pháp phát triển kinh tế, xã hội của Đảng
4. Trình bày giải pháp phát triển văn hóa, con người của Đảng
5. Để mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển đúng đắn và hiệu quả thì cần phải làm gì?
6. Vì sao phát triển kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội ? để thực hiện điều đó Đảng ta đã có những chủ trương gì ?

Bài 6

TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG AN NINH, MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

1. Bối cảnh quốc tế và Việt Nam

1.1. Bối cảnh quốc tế

Trên thế giới trong những năm tới, tình hình sẽ còn nhiều diễn biến phức tạp, nhưng hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn.

Tình hình chính trị - an ninh thế giới thay đổi nhanh chóng, khó lường; tình trạng xâm phạm chủ quyền quốc gia, tranh chấp lãnh thổ và tài nguyên, xung đột sắc tộc, tôn giáo, can thiệp lật đổ, khủng bố, chiến tranh cục bộ, chiến tranh mạng... tiếp tục diễn ra gay gắt.

Cục diện thế giới theo xu hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn. Các nước lớn điều chỉnh chiến lược, vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa cạnh tranh, đấu tranh kiềm chế lẫn nhau, tác động mạnh đến cục diện thế giới và các khu vực. Những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền áp đặt, chủ nghĩa thực dụng ngày càng nổi lên trong quan hệ quốc tế.

Những vấn đề toàn cầu như an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh có nhiều diễn biến phức tạp. Cộng đồng quốc tế phải đối phó ngày càng quyết liệt hơn với các thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống, đặc biệt là an ninh mạng và các hình thái chiến tranh kiểu mới.

Châu Á - Thái Bình Dương, trong đó khu vực Đông Nam Á tiếp tục là trung tâm phát triển năng động, có vị trí địa kinh tế - chính trị chiến lược ngày càng quan trọng trên thế giới. Đồng thời, đây cũng là khu vực cạnh tranh chiến lược giữa một số nước lớn, có nhiều nhân tố bất ổn. Tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo trong khu vực và trên biển Đông tiếp tục diễn ra gay gắt, phức tạp.

1.2. Về tình hình trong nước

Trong nước thế và lực, sức mạnh tổng hợp của đất nước tăng lên, uy tín quốc tế của đất nước ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Kinh tế nước ta từng bước ra khỏi tình trạng suy giảm, lấy lại đà tăng trưởng nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. Kinh tế vĩ mô ổn định chưa vững chắc; nợ công tăng nhanh, nợ xấu đang giảm dần nhưng còn ở mức cao, năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh kinh tế thấp.

Bốn nguy cơ mà Đảng chỉ ra vẫn tồn tại: nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới; nguy cơ “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch nhằm chống phá nước ta; tình trạng suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến” “tự chuyển hóa” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí diễn biến phức tạp; khoảng cách giàu nghèo, phân hóa xã hội ngày càng tăng, đạo đức xã hội có mặt xuống cấp đáng lo ngại

Bảo vệ chủ quyền biển đảo đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức lớn. Tình hình chính trị - xã hội ở một số địa bàn còn tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định.

2. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.1. Quan điểm của Đảng về đường lối quốc phòng, an ninh

- Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là nòng cốt.

- Phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế để bảo vệ Tổ quốc.

- Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng, an ninh.

2.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của quốc phòng, an ninh

- Tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc.

- Chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; ngăn chặn, phản bác những thông tin, luận điệu sai trái, đẩy lùi các loại tội phạm và tệ nạn xã hội.

- Sẵn sàng ứng phó với các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, an ninh mạng.

- Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ vững chắc biên giới và chủ quyền biển đảo, vùng trời của Tổ quốc; đồng thời giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Giải quyết những bất đồng, tranh chấp bằng giải pháp hòa bình trên cơ sở tôn trọng luật pháp quốc tế.

- Kết hợp chặt chẽ kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh và quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, chú trọng vùng sâu, vùng xa, biên giới, biển, đảo.

- Kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh và đối ngoại; tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh.

- Có kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm và triệt tiêu các nhân tố bất lợi, nhất là các nhân tố bên trong có thể gây ra đột biến.

- Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, nâng cao chất lượng tổng hợp sức mạnh chiến đấu, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh theo hướng lưỡng dụng; tăng cường nguồn lực, tạo cơ sở vật chất – kỹ thuật hiện đại cho lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

- Tích cực, chủ động chuẩn bị lực lượng đủ mạnh và các kế hoạch, phương án tác chiến cụ thể, khoa học, sẵn sàng bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ và an ninh của Tổ quốc trong mọi tình huống.

- Kiên quyết giữ vững ổn định kinh tế - xã hội trong mọi tình huống.

- Xây dựng, củng cố đường biên giới trên bộ hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, nâng cao năng lực thực thi pháp luật của các lực lượng làm nhiệm vụ ở biên giới, biển, đảo.

3. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

3.1. Quan điểm của Đảng về đường lối đối ngoại

- Bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính là xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đồng thời thực hiện nghĩa vụ quốc tế theo khả năng của Việt Nam.

- Giữ vững độc lập tự chủ, tự cường đi đôi với đẩy mạnh đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại.

- Nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ quốc tế; cố gắng thúc đẩy mặt hợp tác, nhưng vẫn phải đấu tranh dưới hình thức và mức độ thích hợp với từng đối tác; đấu tranh để hợp tác; tránh trực diện đối đầu, tránh để bị đẩy vào thế cô lập.

- Mở rộng quan hệ với mọi quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, không phân biệt chế độ chính trị xã hội. coi trọng quan hệ hòa bình, hợp tác với khu vực; chủ động tham gia các tổ chức đa phương, khu vực và toàn cầu.

- Giữ vững ổn định chính trị, kinh tế - xã hội; giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; bảo vệ môi trường sinh thái trong quá trình hội nhập quốc tế.

- Phát huy tối đa nội lực đi đôi với thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài; xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ; tạo ra và sử dụng có hiệu quả lợi thế so sánh của đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế.

- Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với hoạt động đối ngoại. Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và ngoại giao nhân dân; giữa ngoại giao chính trị với ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hóa; giữa đối ngoại với quốc phòng, an ninh.

3.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

Trong suốt thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định nhất quán nhiệm vụ đối ngoại, mà Văn kiện Đại hội XI khẳng định là: “giữ vững môi trường hòa bình, thuận lợi cho đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; nâng cao vị thế của đất nước; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”.

Đại hội XII xác định và cụ thể hơn : “giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao đời sống nhân dân; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; nâng cao vị thế, uy tín của đất nước và góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”.

Đại hội XII cũng nêu rõ một số nguyên tắc và nhiệm vụ cụ thể trong công tác đối ngoại:

Nguyên tắc: Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia – dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế.

Nhiệm vụ cụ thể:

Nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, tiếp tục đưa các mối quan hệ hợp tác đi vào chiều sâu, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đa phương, chủ động và tích cực đóng góp xây dựng, định hình các thể chế đa phương.

Kiên quyết đấu tranh, làm thất bại mọi âm mưu, hành động can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia và ổn định chính trị của đất nước. Tiếp tục hoàn thành việc phân định biên giới trên bộ, thúc đẩy giải quyết các vấn đề trên biển.

Chú trọng phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị, truyền thống với các nước láng giềng, thúc đẩy quan hệ với các đối tác lớn, đối tác quan trọng. Chủ động, tích cực và có trách nhiệm cùng các nước ASEAN xây dựng cộng đồng vững mạnh.

Triển khai mạnh mẽ định hướng chiến lược chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Bảo đảm hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân và cả hệ thống chính trị, đẩy mạnh hội nhập trên cơ sở phát huy tối đa nội lực, gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy quá trình nâng cao sức mạnh tổng hợp, năng lực cạnh tranh của đất nước.

Nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế, xây dựng và triển khai chiến lược tham gia các khu vực mậu dịch tự do với các đối tác kinh tế, ký kết và thực hiện hiệu quả các hiệp định thương mại tự do phù hợp với lợi ích của đất nước.

Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực văn hóa, xã hội, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo và các lĩnh vực khác.

Tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược, tham mưu về đối ngoại; đổi mới nội dung, phương pháp, nâng cao hiệu quả tuyên truyền đối ngoại; chăm lo đào tạo, rèn luyện đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại; bồi dưỡng kiến thức đối ngoại cho cán bộ chủ chốt các cấp.

Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại. Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao của Nhà nước và đối ngoại nhân dân; giữa ngoại giao chính trị với ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hóa; giữa đối ngoại với quốc phòng, an ninh.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Vì sao bảo vệ tổ quốc là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Liên hệ nhiệm vụ của mỗi người trong việc thực hiện nhiệm vụ đó.
2. Trình bày những quan điểm và nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng
3. Trình bày những quan điểm và nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại của Đảng.
4. Phân tích các nguyên tắc và nhiệm vụ cụ thể của công tác đối ngoại của Đảng.
5. Trách nhiệm của học sinh sinh viên trong việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng an ninh, đường lối đối ngoại của Đảng.

Bài 7:

XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIÊN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

1. Bản chất và đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.1. Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân. Bản chất đó thể hiện ở bản chất giai cấp, tính dân tộc, tính nhân dân của Nhà nước ta.

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam mang bản chất giai cấp công nhân. Toàn bộ hoạt động của Nhà nước đều thể hiện quan điểm quan điểm của giai cấp công nhân, thực hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân, phục vụ lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Lợi ích cơ bản của giai cấp công nhân, nhân dân lao động, của dân tộc là thống nhất. Nhân dân là người làm chủ những tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội, mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân. Bản chất giai cấp công nhân, tính dân tộc và tính nhân dân của Nhà nước ta được quán triệt, cụ thể hóa, thể chế hóa và thực hiện trên mọi lĩnh vực, mọi tổ chức, hoạt động của Nhà nước.

Tính dân tộc của Nhà nước ta thể hiện là Nhà nước của dân, quyền lực thực sự ở nơi dân; chính quyền do nhân dân lập nên và tham gia quản lý. Nhà nước thể hiện ý chí, lợi ích và nguyện vọng của nhân dân. Trong tổ chức và hoạt động, Nhà nước ta kế thừa và phát huy những truyền thống, bản sắc tốt đẹp của dân tộc và con người Việt Nam, có chính sách dân tộc đúng đắn, chăm lo lợi ích mọi mặt cho các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam, coi đoàn kết dân tộc, đoàn kết toàn dân là đường lối chiến lược và động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ tổ quốc; giữ vững độc lập, tự chủ trong quan hệ đối ngoại; kết hợp đúng đắn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân

Tổ chức quyền lực của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp

Cương lĩnh năm 1991 đã ghi “Nhà nước Việt Nam thống nhất ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp với sự phân công rành mạch ba quyền đó” (Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, NXB CTQG, 2005, Tr 328). Quyền lực Nhà nước là thống nhất vì tất cả quyền lực Nhà nước đều thuộc về Nhân dân, biểu hiện tập trung ý chí của Nhân dân, bắt nguồn từ Nhân dân. Hoạt động của Nhà nước có phạm vi rộng lớn, nên cần thiết có sự phân công rành mạch và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực

hiện ba quyền vừa đảm bảo tính độc lập, chủ động, tính trách nhiệm cao của từng cơ quan Nhà nước trong việc thực thi quyền lực, đảm bảo tính thống nhất, khách quan, hiệu quả, tránh tình trạng lạm quyền, chuyên quyền của hệ thống cơ quan Nhà nước.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là tất yếu khách quan để giữ vững được bản chất giai cấp công nhân, đảm bảo quyền lực thuộc về Nhân dân.

Đảng lãnh đạo Nhà nước là lãnh đạo xây dựng Nhà nước thực sự là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước được thể hiện ở chỗ: Đảng đề ra đường lối, chủ trương, chính sách lớn cho sự phát triển đất nước trong từng thời kỳ; Đảng lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa, cụ thể hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng thành Hiến pháp, pháp luật, chính sách cụ thể và lãnh đạo tổ chức nhân dân thực thi Hiến pháp, Pháp luật và chính sách.

Đảng lãnh đạo Nhà nước tổ chức bộ máy tinh gọn và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất, năng lực và trí tuệ; Đảng lãnh đạo bằng công tác kiểm tra việc quán triệt, tổ chức thực hiện đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Cùng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức Đảng và đảng viên trong các cơ quan Nhà nước làm tham mưu cho Đảng.

Phát huy vai trò trách nhiệm của Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, các tổ chức xã hội và nhân dân trong việc tham gia xây dựng, kiểm tra giám sát hoạt động và bảo vệ Nhà nước.

1.2. Đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam có những đặc trưng sau:

Thứ nhất, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, thể hiện quyền làm chủ của Nhân dân

Bộ máy nhà nước được thiết lập là bộ máy thừa hành ý chí, nguyện vọng của Nhân dân, đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước không thể là các ông quan cách mạng mà là công bộc của Nhân dân. Là nhà nước của dân, do chính Nhân dân lập ra thông qua chế độ bầu cử dân chủ. Bầu cử dân chủ là phương thức thành lập bộ máy nhà nước đã được xác lập trong nền chính trị hiện đại, đảm bảo tính chính đáng của chính quyền khi tiếp nhận sự uỷ quyền quyền lực từ Nhân dân.

Tư tưởng về một nhà nước của dân, do dân, vì dân đã được thể chế hoá thành một mục tiêu hiến định ngay trong bản Hiến pháp đầu tiên của chính thể dân chủ cộng hoà ở nước ta - Hiến pháp 1946: “Thực hiện một chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân” (Lời nói đầu - Hiến pháp 1946). Đặc điểm này của Nhà nước ta tiếp tục được khẳng định trong các bản Hiến pháp 1959, 1980, 1992 và 2013.

Thứ hai, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp, tôn trọng và bảo vệ Hiến pháp

Hiến pháp được coi là Đạo luật cơ bản của Nhà nước, có hiệu lực pháp lý cao nhất, quy định chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, cơ cấu, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước. Sự hiện diện của Hiến pháp là điều kiện quan trọng nhất bảo đảm sự ổn định xã hội và sự an toàn của người dân. Đó chính là nền tảng có tính chất hiến định để xem xét, đánh giá sự hợp hiến hay không hợp hiến của các đạo luật, cũng như các quyết sách khác của Nhà nước và của các tính chất chính trị, tính chất xã hội.

Hiến pháp có một vai trò quan trọng như vậy trong việc duy trì quyền lực của nhân dân, cho nên, việc xây dựng và thực hiện một cơ chế hữu hiệu cho việc phát hiện, đánh giá và phán quyết về những quy định và hoạt động trái với Hiến pháp là rất cần thiết trong tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước ở nước ta hiện nay.

Thứ ba, Nhà nước pháp quyền Việt Nam quản lý xã hội bằng pháp luật, bảo đảm vị trí tối thượng của pháp luật trong đời sống xã hội

Pháp luật xã hội chủ nghĩa của chúng ta là kết quả của sự thể chế hoá đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam trên tất cả các mặt kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá giáo dục khoa học, đối nội, đối ngoại. Pháp luật thể hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân, phù hợp với hiện thực khách quan, thúc đẩy tiến bộ xã hội.

Pháp luật của Nhà nước ta phản ánh đường lối, chính sách của Đảng và lợi ích của nhân dân. Vì vậy, pháp luật phải trở thành phương thức quan trọng đối với tính chất và hoạt động của Nhà nước và là thước đo giá trị phổ biến của xã hội ta: công bằng, dân chủ, bình đẳng - những tố chất cần thiết cho sự phát triển tiến bộ và bền vững của Nhà nước và xã hội ta.

Pháp luật thể chế hoá các nhu cầu quản lý xã hội, là hình thức tồn tại của các cơ cấu và tổ chức xã hội và của các thiết chế Nhà nước. Tất cả các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và mọi công dân đều phải nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật.

Thứ tư, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam tôn trọng và bảo vệ quyền con người, các quyền và tự do của công dân, giữ vững mối liên hệ giữa Nhà nước và công dân, giữa Nhà nước và xã hội

Vấn đề bảo đảm quyền con người, quyền công dân, mở rộng quyền dân chủ, nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa Nhà nước và công dân, giữa công dân với Nhà nước... luôn được Đảng ta dành sự quan tâm đặc biệt. Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX xác định rõ những phương châm cơ bản: xây dựng cơ chế cụ thể để thực hiện phương châm: “dân biết, dân bàn,

dân làm, dân kiểm tra" đối với các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước. Thực hiện tốt các cơ chế làm chủ của Nhân dân: làm chủ thông qua đại diện (là cơ quan dân cử và các đoàn thể), làm chủ trực tiếp bằng các hình thức Nhân dân tự quản, bằng việc xây dựng và thực hiện các quy ước, hương ước tại cơ sở. Đảng và Nhà nước tiếp tục đổi mới phong cách, bảo đảm dân chủ trong quá trình chuẩn bị ra quyết định và thực hiện các quyết định.

Thứ năm, trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền: lập pháp, hành pháp và tư pháp, có sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện quyền lực nhà nước

Bắt đầu từ Đại hội Đảng lần thứ VII (1991), với “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội”, quan điểm về sự tồn tại của ba quyền và sự phân công, phối hợp giữa ba phạm vi quyền lực đó của Nhà nước mới được chính thức khẳng định trên cơ sở tiếp thu, kế thừa, phát triển, vận dụng vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của Việt Nam các tri thức của nhân loại và trước yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Nghị quyết Đại hội XI và Cương lĩnh xây dựng đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đều có bổ sung quan tâm vấn đề kiểm soát quyền lực trong cơ chế tổ chức quyền lực nhà nước ở nước ta. Theo đó nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp đã được hoàn thiện một bước quan trọng.

Quan điểm về sự thống nhất quyền lực nhà nước có sự phân công, phối hợp, kiểm soát chặt chẽ giữa ba quyền và quyền lực nhà nước là một quan điểm có tính nguyên tắc chỉ đạo trong thiết kế mô hình tổ chức Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

Thứ sáu, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo

Ở Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với sự nghiệp xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân là một tất yếu lịch sử và tất yếu khách quan.

Đối với Nhà nước, sự lãnh đạo của Đảng là lãnh đạo chính trị, quyết định phương hướng chính trị của Nhà nước, bảo đảm cho Nhà nước ta thực sự là tổ chức thực hiện quyền lực của nhân dân, thực sự của dân, do dân và vì dân, để thực hiện thành công công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước triển khai tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương của Đảng bằng các hoạt động quản lý nhà nước, tổ chức tạo điều kiện

thuận lợi cho Nhân dân tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại...

2. Phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1. Phương hướng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị. Xây dựng Nhà nước pháp quyền phải tiến hành đồng bộ cả lập pháp, hành pháp, tư pháp và được tiến hành đồng bộ với đổi mới hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực; gắn với đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội.

Hoàn thiện thể chế, chức năng, nhiệm vụ, phương thức, tổ chức và cơ chế vận hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Hoàn thiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp và pháp luật.

Đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật

Hoàn thiện cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở quyền lực nhà nước là thống nhất.

Đổi mới tổ chức hoạt động của Quốc hội. Hoàn thiện cơ chế bầu cử nhằm nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội; tăng hợp lý số lượng đại biểu chuyên trách, phát huy tốt hơn vai trò của đại biểu và đoàn đại biểu Quốc hội.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng xây dựng hệ thống cơ quan hành pháp thống nhất, hiện đại.

Xây dựng hệ thống cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, quyền con người. Đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp.

Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, đảm bảo quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trong phạm vi được phân cấp.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, thực hiện các giải pháp nhằm chấn chỉnh bộ máy và quy chế hoạt động của cơ quan, cán bộ công chức. Có cơ chế kịp thời đưa ra khỏi bộ máy Nhà nước những công chức không xứng đáng, kém phẩm chất và năng lực.

2.2. Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước

Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của Nhà nước theo quy định của Hiến pháp năm 2013, đáp ứng các đòi hỏi của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Xác định rõ cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực Nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở quyền lực nhà nước là thống nhất.

Kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội theo hướng tăng cường và nâng cao chất lượng hoạt động lập pháp.

Làm tốt chức năng giám sát tối cao của Quốc hội đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước, trước mắt tập trung vào những vấn đề bức xúc như: sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước; chống tham nhũng, quan liêu; vấn đề bắt giam, điều tra truy tố, xét xử, ...

Xây dựng một nền hành chính Nhà nước dân chủ, vững mạnh, từng bước hiện đại

Sắp xếp tinh gọn các cơ quan thuộc Chính phủ, bộ máy giúp việc của Chính phủ. Tổ chức bộ máy chính quyền địa phương được cải cách, kiện toàn theo nguyên tắc quyền lực của Nhà nước là thống nhất.

Xây dựng và kiện toàn chính quyền xã, phường, thị trấn có đủ năng lực và phẩm chất để quản lý, giải quyết đúng thẩm quyền những vấn đề đặt ra. Xác định rõ trách nhiệm, của tập thể và trách nhiệm của cá nhân, trước hết là của người đứng đầu cơ quan, tổ chức. Đổi mới phương thức làm việc của các cơ quan Nhà nước, xây dựng và thực hiện nghiêm ngặt quy chế làm việc.

Công cuộc cải cách bộ máy hành chính Nhà nước phải được lãnh đạo chặt chẽ và tiến hành đồng bộ từ Trung ương đến cơ sở, gắn với công cuộc đổi mới xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Cải cách và kiện toàn các cơ quan tư pháp

Tiếp tục cải cách, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của cơ quan tư pháp theo nguyên tắc nâng cao tinh thần trách nhiệm, làm tốt công tác điều tra, bắt, giam giữ, truy tố, xét xử không để xảy ra oan sai.

Viện kiểm sát nhân dân không thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát chung mà tập trung làm tốt các chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp, đảm bảo mọi hành vi tội phạm đều bị phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh, đặc biệt là tội phạm an ninh quốc gia và tội phạm tham nhũng.

Sắp xếp lại hệ thống Tòa án nhân dân, phân định rõ thẩm quyền một cách hợp lý, tăng cường thẩm phán ở những địa bàn trọng điểm. Tổ chức lại các cơ quan điều tra theo nguyên tắc gọn đầu mối, có sự chỉ đạo tập trung thống nhất, kiện toàn cơ quan thi hành án và thành lập cảnh sát tư pháp.

Phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế

Quyền làm chủ của nhân dân được hoàn thiện và thể chế hóa bằng pháp luật. Từng bước hoàn thiện cơ chế lấy ý kiến Nhân dân về những vấn đề quan trọng, cần thiết cho lãnh đạo và quản lý Nhà nước, đảm bảo những quyết sách lớn tập trung được những trí tuệ và phản ánh đầy đủ ý chí, nguyện vọng của Nhân dân.

Nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình bằng hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua những đại biểu do mình bầu ra. Đề cao tiêu chuẩn chất lượng của các đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân để “người đại diện cho dân” có đủ trí tuệ, phẩm chất, năng lực, thực sự có khả năng đại diện cho ý chí, nguyện vọng và lợi ích của Nhân dân.

Nhà nước ta là Nhà nước vì dân, chăm lo cho con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

Nhà nước ta là Nhà nước của dân. Nhân dân có quyền tham gia quản lý Nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận các vấn đề chung của cả nước và địa phương, kiến nghị với các cơ quan Nhà nước, biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu dân ý.

Thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là một quá trình từ thấp đến cao. Cần coi trọng công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật cho nhân dân, gắn liền quyền hạn với trách nhiệm, lợi ích và nghĩa vụ công dân.

Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, mọi tổ chức Đảng, cơ quan Nhà nước, đoàn thể đều hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực

Cán bộ là cái gốc của mọi công việc, nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, gắn liền với vận mệnh của Đảng, của chế độ ta. Tiêu chuẩn chung của cán bộ trong thời kỳ đổi mới là:

Phải có tinh thần yêu nước sâu sắc, tận tụy phục vụ Nhân dân, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng. Có ý thức tổ chức kỷ luật, trung thực, không cơ hội, gắn bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân tín nhiệm.

Có trình độ, hiểu biết về lý luận chính trị, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, có trình độ văn hóa, chuyên môn, đủ năng lực và sức khỏe để làm việc có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu và nhiệm vụ được giao.

Sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức Nhà nước theo đúng chức danh, tiêu chuẩn; tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế. Định kỳ kiểm tra, đánh giá cán bộ, công chức, kịp thời thay thế những cán bộ, công chức yếu kém và thoái hóa. Tăng cường cán bộ cho cơ sở; có chế độ chính sách đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ đối với cán bộ xã, phường, thị trấn.

Đẩy mạnh đấu tranh chống tham nhũng

Hiện nay, tình trạng tham nhũng và sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đang cản trở việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, gây bất bình và làm giảm lòng tin trong Nhân dân.

Phương châm chỉ đạo là tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng trong bộ máy Nhà nước và toàn hệ thống chính trị, ở các cấp, các ngành, từ trung ương đến cơ sở. Gắn chống tham nhũng với chống lãng phí, quan liêu, buôn lậu, đặc biệt chống các hành vi lợi dụng chức quyền để làm giàu bất chính.

Kết hợp những biện pháp cấp bách với những giải pháp ở tầm chiến lược nhằm vừa hoàn thiện cơ chế, chính sách, kiện toàn tổ chức, chấn chỉnh công tác quản lý, khắc phục sơ hở, xử lý nghiêm, kịp thời mọi vi phạm, tội phạm, huy động và phối hợp chặt chẽ mọi lực lượng đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi và loại trừ tham nhũng.

Đấu tranh chống tham nhũng phải gắn với đấu tranh chống buôn lậu, lãng phí, quan liêu, tập trung vào các hành vi lợi dụng chức quyền tham ô, làm thất thoát tài sản Nhà nước, nhận hối lộ.

Tăng cường tổ chức, lãnh đạo, chỉ đạo và huy động lực lượng, đấu tranh chống tham nhũng, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của các cấp bộ Đảng. Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các cơ quan thông tin đại chúng và toàn xã hội. Tất cả mọi lực lượng đó có trách nhiệm giám sát, kiểm tra cán bộ, công chức, phát hiện, tố cáo, lên án những kẻ tham nhũng.

Cải cách cơ bản chế độ tiền lương, nâng cao đời sống người hưởng lương, chống đặc quyền, đặc lợi. Thường xuyên giáo dục cán bộ, đảng viên công chức về chính trị, tư tưởng đạo đức cách mạng.

Kịp thời kiểm tra và kết luận, có biện pháp xử lý những cán bộ, công chức có tài sản bất minh.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích và làm rõ bản chất, đặc trưng cơ bản của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Liên hệ những giải pháp cần thiết để xây dựng chính quyền địa phương nơi bản thân học tập và công tác.

3. Phân tích nguyên nhân của tham nhũng và những giải pháp đẩy mạnh đấu tranh phòng chống tham nhũng nói chung và ở địa phương nơi bản thân học tập và công tác.

BÀI 8

PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG, BẢO VỆ TỔ QUỐC

1. Tầm quan trọng của đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

1.1. Cơ sở lý luận của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Đường lối chiến lược đại đoàn kết dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay được hình thành trên cơ sở lý luận đó là quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và đại đoàn kết dân tộc và thực tiễn truyền thống đoàn kết của dân tộc Việt Nam.

1.1.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về đoàn kết dân tộc trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

- Chủ nghĩa Mác – Lênin cho rằng, thực hiện đoàn kết dân tộc là một nội dung, một nhiệm vụ chiến lược của cách mạng xã hội chủ nghĩa và là một điều kiện tất yếu để thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

- Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Quần chúng nhân là người sáng tạo ra mọi của cải vật chất và tinh thần, là chủ thể chân chính, quyết định sự phát triển của lịch sử.

Như vậy, đoàn kết dân tộc, đoàn kết giai cấp, đoàn kết quốc tế trở thành một nhiệm vụ chiến lược xuyên suốt cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, là một tất yếu khách quan cũng đồng thời là một nhu cầu nội tại chủ quan của giai cấp công nhân trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình.

- Chủ nghĩa Mác - Lênin cũng chỉ rõ cơ sở, mục tiêu, những lực lượng và nguyên tắc đoàn kết dân tộc.

+ Cơ sở xây dựng đoàn kết dân tộc đó là sự thống nhất về lợi ích căn bản giữa các dân tộc, giai cấp, tầng lớp trong xã hội và giải quyết hài hòa các lợi ích đó trong đời sống hiện thực trên lập trường giai cấp công nhân

+ Về mục đích của đoàn kết dân tộc là nhằm giải phóng lao động, tiêu diệt chế độ nô lệ, làm thuê thiết lập một chế độ xã hội bình đẳng không phân biệt nam, nữ và dân tộc.

+ Lực lượng đoàn kết dân tộc theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, là mọi thành viên trong xã hội không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp xã hội, nam, nữ...

+ Nguyên tắc của đoàn kết dân tộc là khối đoàn kết dựa trên liên minh công - nông vững chắc và do giai cấp công nhân lãnh đạo.

1.1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc

- Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược, có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Người cũng rất coi trọng việc đoàn kết, tập hợp các lực lượng của dân tộc như tiểu tư sản, trí thức, nhà buôn, điền chủ nhỏ... Đây chính là tư tưởng mở đường cho việc tổ chức mặt trận rộng lớn của dân tộc lấy công nông làm nòng cốt có Đảng tiên phong lãnh đạo.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra rằng: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công đại thành công”.

- Tư tưởng đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh chính là sự phát triển sáng tạo, độc đáo truyền thống đoàn kết của dân tộc Việt Nam, lý luận Mác - Lênin và tinh hoa văn hóa nhân loại.

1.2. Cơ sở thực tiễn của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong các giai đoạn cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi trọng và chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đoàn kết toàn dân tộc trở thành đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam và là động lực chủ yếu, là nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với mọi thắng lợi của dân tộc và cách mạng.

Hiện nay, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đang ráo riết đẩy mạnh thực hiện “diễn biến hòa bình”, hòng chống phá cách mạng nước ta. Chúng triệt để lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền; các khó khăn về kinh tế - xã hội; những thiếu sót, yếu kém trong quản lý xã hội để lôi kéo, kích động quần chúng, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc hòng làm suy yếu, tiến tới lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Bên cạnh đó nước ta còn đứng trước nhiều thách thức to lớn, từ đó đặt ra yêu cầu toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải phát huy mọi nguồn lực, trước hết là nguồn nội lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam, bao gồm tất cả mọi thành viên, ở trong nước và kiều bào ở nước ngoài, trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc để vượt qua khó khăn, thách thức tiến tới xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, dựa trên những cơ sở lý luận và thực tiễn của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc chúng ta nhận thấy đại đoàn kết có vai trò quan trọng, mang tính chiến lược, là nhân tố có ý nghĩa quyết định tới mọi thành bại của cách mạng Việt Nam.

2. Quan điểm và phương hướng của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1. Quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn luôn xác định phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc là nguồn lực chủ yếu để đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

❖ *Quan điểm về đại đoàn kết dân tộc được thể hiện qua các kỳ đại hội như sau:*

- Đại hội VI của Đảng xác định: “Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động”.

- Đại hội VIII khẳng định: “Chính những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân là nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Cũng do nhân dân hưởng ứng đường lối đổi mới, dũng cảm phấn đấu, vượt qua biết bao khó khăn, thử thách mà công cuộc đổi mới đạt được những thành tựu hôm nay”.

- Đại hội IX của Đảng một lần nữa nhấn mạnh: “Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hoà các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội”.

- Đại hội X tiếp tục phát huy tư tưởng của những kỳ đại hội trước: “Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng, là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Và nhấn mạnh: “Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng, được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương của đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu”.

- Đại hội XI khẳng định “Đại đoàn kết toàn dân tộc phải dựa trên cơ sở giải quyết hài hoà quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong xã hội. Đoàn kết trong Đảng là hạt nhân, là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Văn kiện Đại hội XII lần đầu tiên tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc được đưa vào làm thành tố của chủ đề Đại hội : “Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa...”

Như vậy, qua các kỳ đại hội đã thấy rõ quá trình phát triển tư duy của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc là phù hợp với nhiệm vụ cách mạng trong từng thời kỳ.

❖ *Một số quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc được thể hiện qua các nội dung sau:*

- Về vị trí Đảng chỉ rõ: vấn đề dân tộc và khối đại đoàn kết toàn dân tộc vừa là chiến lược cơ bản lâu dài, vừa là vấn đề cấp bách của cách mạng Việt Nam.

- Về vai trò, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: Đại đoàn kết toàn dân tộc là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm cho thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Về cơ sở xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, thực hiện trên cơ sở lợi ích và đảm bảo hài hòa các lợi ích chính đáng, hợp pháp của các giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc.

- Về lực lượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc: Sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc là sức mạnh của cả cộng đồng các dân tộc Việt Nam, bao gồm đồng bào các dân tộc, tôn giáo, các giai cấp, tầng lớp xã hội, các thành phần kinh tế, các lứa tuổi ở mọi vùng miền của đất nước và đồng bào ta cư trú ở nước ngoài

- Về nguyên tắc đoàn kết dân tộc: Đảng chỉ rõ: Đoàn kết dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức tập hợp trong Mặt trận dân tộc thống nhất do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, Đảng là hạt nhân lãnh đạo của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Về ứng xử trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc: Để xây dựng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc cần phải thường xuyên có thái độ ứng xử đúng đắn. Đảng chỉ rõ: “xóa bỏ mặc cảm, định kiến về quá khứ, thành phần giai cấp, chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống nhân nghĩa, khoan dung... để tập hợp, đoàn kết mọi người vào mặt trận chung, tăng cường đồng thuận xã hội”¹².

- Về chủ thể xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc: Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ rõ: xây dựng và phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc là “sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng”¹³

2.2. Phương hướng và giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.1. Những phương hướng cơ bản

Một là, quán triệt sâu sắc thực hiện đồng bộ các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, cải thiện,

¹²Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, tr240

¹³Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, tr14

nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Hai là, thực hiện và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội, quan hệ xã hội.

Ba là, tổ chức và động viên các tầng lớp nhân dân các dân tộc tham gia các phong trào thi đua yêu nước để tập hợp, động viên nhân dân, tích cực xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Bốn là, thực hiện hệ thống các chính sách đúng đắn, kịp thời đối với các giai cấp, tầng lớp xã hội, tạo nên một cơ cấu xã hội - giai cấp, cơ cấu thành phần kinh tế phát triển tích cực, phù hợp với sự phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

2.2.2. Những giải pháp chủ yếu

Thứ nhất, thường xuyên nâng cao giác ngộ về đại đoàn kết toàn dân tộc cho cả hệ thống chính trị và toàn dân

Xây dựng và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc là sự nghiệp của cả hệ thống chính trị và của toàn dân tộc, do Đảng lãnh đạo. Là chủ thể xây dựng và thực hành đại đoàn kết toàn dân tộc, hệ thống chính trị và đồng bào các dân tộc trước hết phải có sự giác ngộ sâu sắc về khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đây là cơ sở, là điều kiện tiên quyết để xây dựng và phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc

Thứ hai, bám sát mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng, thực tiễn của đất nước, tình hình khu vực và thế giới trong mỗi giai đoạn để có chủ trương, chính sách xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc đúng đắn, sáng tạo.

Thứ ba, nắm vững tư tưởng chỉ đạo về chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy nội lực dân tộc, đề cao vai trò các chủ thể trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, dù ở giai đoạn nào thì sức mạnh nội lực dân tộc vẫn là nhân tố cơ bản, chủ yếu quyết định đến thắng lợi của cách mạng. Bài học về phát huy sức mạnh nội lực dân tộc đã, đang và vẫn là bài học quý báu và mang tính thời sự. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc là con đường, phương thức chủ yếu để phát huy nội lực dân tộc. Mặt khác, trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thì sức mạnh nội lực dân tộc lại là yếu tố quyết định. Vì vậy, Đảng, Nhà nước phải luôn chú trọng chăm lo bồi dưỡng sức dân, luôn khơi dậy và phát huy mọi nguồn lực trong nhân dân, giải phóng mọi tiềm năng của đất nước và đặc biệt là phát huy cao độ, tính chủ động, tích cực, sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ tư, thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác, chủ động, kiên quyết đấu tranh với mọi biểu hiện chống phá khối đại đoàn kết toàn dân tộc của các thế lực thù địch

Chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam là bản chất, âm mưu, thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch, phản động. Do vậy, đấu tranh chống mọi biểu hiện chống phá khối đại đoàn kết toàn dân tộc đòi hỏi phải thường xuyên tích cực, chủ động, kịp thời, toàn diện, đồng bộ; có nội dung và phương pháp đấu tranh phù hợp; phải phát huy mọi lực lượng, đề cao tinh thần trách nhiệm của hệ thống chính trị các cấp, của các cơ quan chức năng, bộ phận chuyên trách, các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, các nhà khoa học và toàn dân.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích tầm quan trọng của đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc
2. Trình bày quan điểm và phương hướng của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Đảng
3. Anh (Chị) sẽ làm gì để phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ tổ quốc

BÀI 9

TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT

1. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt

1.1. Người công dân tốt

Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam (Hiến pháp 2013). Người công dân tốt là người thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp và pháp luật quy định.

Thực hiện tốt quyền của công dân:

- Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận, kiến nghị với cơ quan nhà nước các vấn đề chung của cơ sở, địa phương và cả nước; công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử, đủ hai mươi một tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật.

- Lao động là quyền và nghĩa vụ của công dân. Công dân có quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm, nơi làm việc, quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật; quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, thừa kế, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất.

- Công dân có quyền và nghĩa vụ học tập; quyền nghiên cứu khoa học, phát minh, sáng chế, sáng tạo văn học, nghệ thuật; được hưởng lợi ích từ các hoạt động đó và chế độ chăm sóc sức khoẻ y tế

- Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình. Hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng. Cha mẹ có trách nhiệm nuôi, dạy con thành người công dân tốt. Con cháu có bổn phận kính trọng và chăm sóc ông bà, cha mẹ. Trẻ em được gia đình, xã hội và Nhà nước bảo vệ, chăm sóc và giáo dục. Thanh niên được tạo điều kiện học tập, lao động và giải trí, phát triển thể lực, trí tuệ, bồi dưỡng về đạo đức, truyền thống dân tộc, ý thức công dân và lý tưởng xã hội chủ nghĩa, đi đầu trong công cuộc lao động sáng tạo và bảo vệ Tổ quốc.

- Công dân có quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước theo quy định của pháp luật. Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, có quyền được thông tin; có quyền hội họp, lập hội, biểu tình theo quy định của pháp luật. Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Thư tín, điện thoại, điện tín của công dân được bảo đảm an toàn và bí mật.

- Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm.

- Công dân có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân, góp phần thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Thực hiện tốt nghĩa vụ chủ yếu của công dân:

- Nghĩa vụ thiêng liêng của công dân là trung thành và bảo vệ tổ quốc Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện nghĩa vụ bảo vệ môi trường, nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

- Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật; tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng.

1.2. Người lao động tốt

Người lao động tốt là người công dân tốt đang ở độ tuổi lao động. Về độ tuổi lao động, thời gian lao động thì người lao động và chủ thể sử dụng lao động phải tuân thủ theo Bộ luật Lao động hiện hành.

- Người lao động tốt là người chấp hành kỷ luật lao động. Cụ thể, là những quy định về việc tuân thủ thời gian, quy trình công nghệ và phối hợp trong tổ chức, bảo vệ tài sản và bí mật công nghệ, thể hiện trong nội quy lao động. Việc chấp hành tốt kỷ luật lao động là yêu cầu cơ bản, bản chất của người lao động trong thời đại mới.

- Người lao động tốt là người yêu nghề, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp, say mê nghiên cứu, sáng tạo trong quá trình làm việc.

- Người lao động tốt là người tự chủ trong công việc, đoàn kết với tập thể và kiên trì với công việc.

Nếu người lao động vô kỷ luật sẽ gây ảnh hưởng đến người lao động khác, đến tập thể trong tổ chức và xã hội; ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hoặc gây ra những thiệt hại về vật chất, tài sản...

Các giải pháp xây dựng và phát triển năng lực người lao động tốt:

- Người lao động phải được đào tạo nghề, thuần thục các thao tác và sử dụng thành thạo các phương tiện, máy móc theo đúng kỹ thuật, nhằm tiết kiệm công sức, thời gian, kinh phí, tăng năng suất lao động, tạo ra sản phẩm, dịch vụ chất lượng có khả năng cạnh tranh trên thị trường; kết quả tốt nghiệp trình độ đào tạo cao đẳng nghề thể hiện qua văn bằng, chứng chỉ được cấp theo luật giáo dục nghề nghiệp. Đây cũng là một trong những cơ sở xác định vị trí việc làm, mức lương của người lao động.

- Người lao động cần xác định vị trí, việc làm phù hợp với ngành nghề đã được đào tạo nhằm góp phần xây dựng kinh tế độc lập, tự chủ, phát huy nội lực, phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội nhằm thực hiện công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Người lao động cần được bồi dưỡng, huấn luyện công nghệ, kỹ thuật mới để nâng trình độ tay nghề, khả năng làm việc theo nhóm, làm việc độc lập là nhân tố quyết định tạo ra những sản phẩm, dịch vụ có chất lượng phục vụ nhu cầu xã hội. Đây cũng là cơ sở đo lường năng suất lao động, giá trị sức lao động nhằm định mức thu nhập cho người lao động.

- Người lao động cần được đào tạo về ngoại ngữ, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng ứng xử... để người lao động thích ứng với sự thay đổi, đáp ứng được tiêu chuẩn vị trí việc làm của khu vực để có thể thực hiện dịch chuyển lao động trên thị trường lao động các nước khu vực. Song song với những giải pháp phát triển năng lực cho người lao động thì người lao động cần rèn luyện phẩm chất đạo đức của mình

2. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam

Dân tộc Việt Nam trong tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước, sự gắn bó nhà, làng, nước đã hun đúc tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường của mỗi người dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định “Trung với nước, hiếu với dân” là chuẩn mực đạo đức cách mạng quan trọng nhất quy định hành vi, ứng xử của cá nhân đối với cộng đồng. Ngày nay, thế hệ trẻ cần hiểu trung với nước là trung thành với sự nghiệp cách mạng mà Đảng, nhân dân và Bác Hồ đã chọn. Nhận thức rõ con đường quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở nước ta là một tất yếu khách quan. Vì vậy, cần có ý chí quyết tâm học tập và rèn luyện, góp sức vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Muốn vậy, phải chung sức chăm lo công tác giáo dục, xây dựng môi trường lành mạnh, khơi dậy các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp để hạn chế những hành vi sai trái, suy thoái về đạo đức, lối sống. Hình thành và phát triển các giá trị đạo đức chuẩn mực cho sinh viên trong thời đại mới là nhiệm vụ cấp bách hiện nay.

Cụ thể:

- Tu dưỡng ý chí, tiếp nối truyền thống yêu nước, điều chỉnh hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội, xác định quyền hạn, trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân. Có lòng nhân ái, yêu thương, nhân nghĩa, đoàn kết, trân trọng các giá trị đạo đức nền tảng.

- Có trách nhiệm xây dựng lối sống lành mạnh và nơi làm việc văn minh để phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Biết phê phán những hủ tục, lạc hậu cũng như phê bình chủ nghĩa cá nhân, trục lợi bản thân.

- Có động cơ học tập đúng, chọn ngành nghề phù hợp với năng lực và lòng đam mê để có thể làm việc tốt nhất, có đạo đức nghề nghiệp và thích ứng với sự phát triển của khoa học công nghệ.

2.2. Phần đầu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

Hồ Chí Minh đã viết: “Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang hay không, dân tộc Việt Nam có được sánh vai các cường quốc năm châu hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công lao học tập của các cháu”. Học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đưa đất nước phát triển sánh vai với các cường quốc năm châu thì tư tưởng của Bác về đào tạo đoàn viên thanh niên, đặc biệt đoàn viên thanh niên là sinh viên thành những người vừa “hồng” vừa “chuyên” có ý nghĩa thiết thực vô cùng to lớn. Thế nên, sinh viên là người công dân tốt, người lao động tốt cần phải:

- Chấp hành quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của nhà trường. Có động cơ học tập đúng đắn, đạt mục tiêu kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, có ý thức chấp hành kỷ luật, chấp hành nội quy, quy chế của tổ chức, hình thành tác phong công nghiệp.

- Tích cực chủ động tìm hiểu khoa học kỹ thuật và công nghệ mới, rèn luyện sức khỏe đảm bảo để trở thành lực lượng lao động tiên bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh - quốc phòng toàn dân.

- Có lối sống lành mạnh, tự tin vào bản thân, vượt qua những khó khăn thử thách, những cám dỗ của các thế lực xấu. Có tinh thần phê bình và tự phê. Phân biệt cái sai, tôn trọng lẽ phải.

- Trung thực, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, không bao che khuyết điểm của cá nhân và của người khác. Nhận thức rõ đạo đức nghề nghiệp để thực hiện hành vi đúng, tôn trọng các giá trị đạo đức nhân văn.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt
2. Trình bày nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt. Là một sinh viên để trở thành một người lao động tốt, công dân có ích cho xã hội, bản thân các em cần phải làm gì ?